

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ NĂM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ năm (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh toàn bộ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên trước khi sắp xếp vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh toàn bộ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên trước khi sắp xếp vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo)

2. Điều chỉnh toàn bộ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên trước khi sắp xếp vào Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp.

(Chi tiết tại Phụ lục IV, V, VI, VII, VIII kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh mục, số liệu dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ năm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 8 năm 2025./. *ch*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. *ch*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Bình

PHỤ LỤC I

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
TIẾP NHẬN TỪ TỈNH BẮC KẠN, TỈNH THÁI NGUYÊN TRƯỚC SẮP XẾP VÀO TỈNH THÁI NGUYÊN SAU SẮP XẾP**

*(Kèm theo Nghị quyết số **60** /NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên trước sắp xếp		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp		Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó	Tổng cộng	Trong đó	Tổng cộng	Trong đó	
			Thanh toán nợ đọng XDCB		Thanh toán nợ đọng XDCB		Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7=3+5	8=4+6	9
	TỔNG SỐ	17.019.542	-	4.345.647	-	21.365.189	-	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI	14.593.575	-	3.037.889	-	17.631.464	-	
A1	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG	4.635.054		2.136.137	-	6.771.191	-	
A2	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)	7.568.386		750.483	-	8.318.869	-	
A3	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN THUÊ ĐẤT CÓ SỞ SỞ HẠ TÀNG NỘP TRẢ MỘT LẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN SỬ DỤNG ĐẤT	1.243.700				1.243.700		
A4	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT	86.000		96.209	-	182.209	-	
A5	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.060.435		55.060		1.115.495	-	
B	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI, CÁC NGUỒN VỐN KHÁC ĐƯỢC BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	106.630	-	1.130.962	-	1.237.592	-	
B1	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI			498.558	-	498.558	-	
B2	VỐN ĐẦU TƯ KHÁC			95.394	-	95.394	-	
B3	VỐN TÍNH BỔ SUNG VÀO TRUNG HẠN (Từ nguồn dự phòng NSTW hỗ trợ)	106.630		537.010	-	643.640	-	
C	VỐN ĐIỀU CHUYỂN TỪ CÁC DỰ ÁN CẤP HUYỆN CHUYỂN VỀ CẤP TỈNH QUẢN LÝ	2.319.337		176.796		2.496.133		

PHỤ LỤC II

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN TRƯỚC SẮP XẾP VÀO TÌNH THÁI NGUYÊN SAU SẮP XẾP**

*(Kèm theo Nghị quyết số **60** /NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
	TỔNG SỐ		55.008.549	33.183.401	17.019.542		
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI		47.764.918	30.211.646	14.593.575		
A1	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG		23.245.772	12.687.106	4.635.054		
I	Quốc phòng		502.499	250.159	107.760		
a)	Dự án hoàn thành		188.677	64.817	19.825		
1	Sở Chỉ huy A2/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Quyết định số 5304/QĐ-BQP ngày 22/11/2017	70.000	20.000	13.525		
2	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên - Ban Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 24/7/2012; Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 09/02/2017	89.502	21.342	3.696		
3	Xây dựng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã năm 2020	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	14.713	14.713	1.955		
4	Dự án Xây dựng, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương	Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 14/9/2015; Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 04/8/2017	14.462	8.762	649		
b)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		102.764	29.284	6.930		
1	Đường Na Giang - Khe Rạc - Cao Sơn xã Vũ Chấn đi Cao Biền, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	102.764	29.284	6.930		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
c)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		181.058	126.058	80.804		
1	Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự thị xã Phổ Yên - Giai đoạn 3	Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	6.496	6.496	1.500		
2	Di chuyển Đại đội kho C29 (ngân sách địa phương thực hiện giải phóng mặt bằng)	Quyết định số 2999/QĐ-BQP ngày 06/9/2021	74.562	19.562	19.562		
3	Xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy quân sự cấp xã giai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	40.000	40.000	40.000		
4	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 25/4/2022	20.000	20.000	18.579		
5	Xây dựng 16 Trụ sở Ban CHQS cấp xã năm 2025	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 31/10/2024	40.000	40.000	1.163		
d)	Vốn chuẩn bị đầu tư		30.000	30.000	200		
1	Dự án cải tạo căn cứ chiến đấu 1, xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	30.000	30.000	200		
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		769.532	553.620	135.655		
a)	Dự án hoàn thành		301.575	185.811	20.581		
1	Đồn Công an và Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Khu công nghiệp Yên Bình	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 28/3/2016; Quyết định số 3415/QĐ-UBND ngày 31/12/2022; Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	70.047	70.047	14.575		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
2	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 391/QĐ-H41-H45 ngày 31/12/2014; Quyết định số 9750/QĐ-H01-P4 ngày 29/12/2023	231.528	115.764	6.006		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		467.957	367.809	115.074		
1	Trụ sở Phòng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh	Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	20.000	20.000	20.000		
2	Cơ sở làm việc công an huyện Định Hóa thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1101/QĐ-BCA-H01 ngày 07/3/2023; Quyết định số 1687/QĐ-BCA-H02 ngày 31/3/2023	95.500	17.130	11.833		
3	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	352.457	330.679	83.241		
III	Giáo dục, đào tạo		836.399	746.550	368.816		
a)	Dự án hoàn thành đã quyết toán		253.919	238.919	20.117		
1	Trường THPT Chuyên Thái Nguyên	Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 09/9/2016; Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 16/9/2020	237.717	222.717	12.915		
2	Mở rộng, nâng quy mô Trường PTDTNT THCS Nguyễn Bình Khiêm	Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	16.202	16.202	7.202		
b)	Dự án hoàn thành		159.391	135.456	51.293		
1	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Phú Lương	Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	23.374	23.374	4.037		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XD CB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
2	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Đại Từ	Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 07/6/2024	18.449	18.449	3.847		
3	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	35.525	35.525	33.536		
4	Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải	Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 30/10/2010	17.300	17.300	812		
5	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Đồng Hỷ	Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	35.585	35.585	7.633		
6	Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2	Quyết định số 3864/QĐ-UBND ngày 17/12/2018; Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 17/12/2018; Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 17/12/2021;	11.438	1.731	643		
7	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn II	Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 02/11/2015; Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 21/10/2019; Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 30/9/2023	17.720	3.492	785		
c)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		251.541	208.988	134.564		
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Định Hóa tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/01/2024	49.810	33.602	9.036		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
2	Xây dựng Trường THPT Đội Cấn, huyện Đại từ	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	98.600	98.600	48.742		
3	Xây dựng Trường THPT Lý Nam Đế, thị xã Phở Yên (nay là thành phố Phở Yên)	Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	103.131	76.786	76.786		
d)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		171.548	163.187	162.842		
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 20/6/2022; Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	30.000	21.639	21.639		
2	Xây dựng Nhà lớp học 16 phòng, Nhà hiệu bộ trường THPT Lương Ngọc Quyến	Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	29.850	29.850	29.850		
3	Xây dựng Nhà lớp học 16 phòng trường THPT Sông Công	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	10.000	10.000	10.000		
4	Xây dựng Nhà lớp học 15 phòng Trường THPT Định Hóa	Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	10.000	10.000	10.000		
5	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Thái Nguyên (Xây dựng Nhà KTX, nhà ăn, nhà đa năng)	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2022; Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	30.000	30.000	30.000		
6	Xây dựng Nhà lớp học, phòng học bộ môn, phòng tổ chuyên môn Trường THPT Đại từ	Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	13.000	13.000	13.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
7	Xây dựng Nhà học bộ môn, phòng học Trường THPT Lương Phú	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	7.353	7.353	7.353		
8	Xây dựng Nhà lớp học bộ môn, thư viện Trường THPT Phở Yên	Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	5.000	5.000	5.000		
9	Xây dựng Nhà đa năng, nhà lớp học 6 phòng Trường THPT Hoàng Quốc Việt	Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	8.090	8.090	8.090		
10	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Lưu Nhân Chú	Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	5.927	5.927	5.926		
11	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Trần Phú	Quyết định số 2839/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	4.779	4.779	4.779		
12	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Khánh Hòa	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 11/11/2023; Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 28/02/2024	4.945	4.945	4.945		
13	Dự án mở rộng, nâng cấp quy mô Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đồng Hỷ	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	5.504	5.504	5.504		
14	Xây dựng Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lê Hồng Phong	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	7.100	7.100	6.755		
IV	Y tế, dân số và gia đình		403.160	292.291	261.755		
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		69.506	46.428	30.292		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm pháp y	Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	69.506	46.428	30.292		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		333.654	245.863	231.463		
1	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn I)	Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 31/3/2021; Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 29/9/2023; Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	266.725	185.000	171.463		
2	Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần Thái Nguyên	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	28.000	25.000	25.000		
3	Đầu tư xây dựng 3 trạm y tế xã: La Hiên huyện Võ Nhai; Nhã Lộng, Tân Hòa, huyện Phú Bình	Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 14/7/2022; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	13.863	13.863	13.000		
4	Khoa khám chữa bệnh, Bệnh viện Mắt Thái Nguyên	Quyết định 1666/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	25.066	22.000	22.000		
V	Văn hóa, thông tin		878.337	692.549	229.838		
a)	Dự án hoàn thành		82.998	82.998	8.866		
1	Đầu tư xây dựng phủ điều tại quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	82.998	82.998	8.866		
b)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		261.238	236.450	74.238		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	Quảng trường Võ Nguyên Giáp thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	161.535	161.535	7.376		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Lục Giáp, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 06/3/2018	23.453	23.453	19.000		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Lý Nam Đế (Đền Mực), xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	76.250	51.462	47.862		
c)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		534.101	373.101	146.734		
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, (ATK Định Hóa), xã Phú Đình, huyện Định Hóa	Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 16/6/2022; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	40.000	30.000	20.000		
2	Tu bổ di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia Đình Xuân La, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	15.000	10.000	10.000		
3	Dự án xây dựng quần thể Khu văn hóa - Thể thao - Công viên cây xanh thị xã Phổ Yên	Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 14/6/2021; Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	400.000	254.000	51.400		
4	Nhà in Báo Thái Nguyên	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	9.989	9.989	9.989		
5	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 06/9/2024	69.112	69.112	55.345		
VI	Thể dục, thể thao		575.973	375.973	40.281		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		39.981	39.981	39.981		
1	Sửa chữa, cải tạo Nhà thi đấu thể thao Thái Nguyên	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	39.981	39.981	39.981		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
b)	Vốn chuẩn bị đầu tư		535.992	335.992	300		
1	Xây dựng Sân vận động tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	535.992	335.992	300		
VII	Bảo vệ môi trường		160.256	23.976	7.619		
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		160.256	23.976	7.619		
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016; Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	160.256	23.976	7.619		
VIII	Các hoạt động kinh tế		17.569.555	8.316.449	1.628.694		
VIII.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		3.162.511	941.028	334.795		
a)	Dự án hoàn thành đã quyết toán		113.342	86.209	21.410		
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đồng Xiền, xã Yên Lạc; đập Núi Phán xã Động Đạt, huyện Phú Lương	Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 26/7/2012; Quyết định số 3936/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	27.413	280	280		
2	Kè chống sạt lở bờ sông bảo vệ khu dân cư tại vị trí xóm Soi 2, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	17.611	17.611	112		
3	Đường cứu hộ cứu nạn trong vùng mưa lũ xã Động Đạt, huyện Phú Lương	Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 29/4/2020	23.765	23.765	3.864		
4	Kè chống xói lở bờ sông, bảo vệ khu dân cư tại các vị trí xóm Trại, xóm Múc, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 06/6/2019	44.554	44.554	17.154		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
b)	Dự án hoàn thành		335.163	72.835	10.119		
1	Tuyến đê Hà Châu (đoạn từ K3+500 đến K3+700 và đoạn từ K4+950 đến K5+350)	Quyết định số 4238/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	22.887	4.457	456		
2	Công trình thủy lợi hồ Nước Hai huyện Phổ Yên	Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 13/6/2012; Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 28/8/2014	143.750	1.636	60		
3	Xây dựng công lấy nước cung cấp nước thô cho Nhà máy nước sạch Yên Bình	Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 12/6/2014; Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	14.429	14.429	1.648		
4	Xây mới cống số 1, số 6 đê Chã, cống số 8 đê sông Công	Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 25/10/2012; Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	26.722	6.301	2.254		
5	Xử lý cấp bách đoạn đê xung yếu tuyến đê Hà Châu (đoạn từ Km8+600 - Km13+700)	Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 28/02/2019; Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	44.592	3.440	3.440		
6	Sửa chữa, nâng cấp đập Pác Tác, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 17/6/2010; Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 04/12/2012	27.092	27.092	1.087		
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê Mỏ Bạch kết hợp làm đường giao thông vào trường Đại học Nông Lâm và Trung tâm KTX Sinh viên Đại học Thái Nguyên	Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; Quyết định số 3934/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	55.691	15.481	1.174		
c)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		1.201.203	381.225	110.367		
1	Kè Xuân Vinh, xã Trung Thành, huyện Phổ Yên	Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 16/6/2010; Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	6.699	4.540	29		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
2	Kè xóm Soi huyện Phổ Yên	Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 05/6/2009; Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	12.641	5.734	2.255		
3	Dự án Xử lý cấp bách ô nhiễm Công đoạn từ K2+000-K5+000	Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 03/7/2020; Quyết định số 3325/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	24.236	4.529	4.529		
4	Dự án Kè đê Chũ K5+050-K5+450	Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 03/7/2020; Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 30/9/2023	42.095	7.164	7.164		
5	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chũ, huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100)	Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 25/10/2013; Quyết định số 3295/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	147.241	57.600	14.522		
6	Xây dựng Khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở bờ sông và ngập úng xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 12/10/2017; Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	37.557	9.582	9.333		
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 4122/QĐ-BNN- TCTL ngày 30/10/2019	80.000	15.000	13.757		
8	Khu tái định cư xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ	Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 27/10/2014	16.119	2.119	2.119		
9	Kè chống xói lở bờ sông Cầu bảo vệ khu dân cư xã Bảo Lý và xã Đào Xá, huyện Phú Bình	Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 22/5/2020; Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	31.701	11.701	5.502		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
10	Đường cứu hộ, cứu nạn đê Sông Công đoạn từ Quốc lộ 3 (K35+350) đến đê Sông Công (K4+900), thị xã Phổ Yên	Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/01/2021; Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.551	15.551	9.152		
11	Hồ chứa nước Văn Hán, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 4405/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	110.059	32.736	17.700		
12	Trồng rừng sản xuất, phòng hộ, xây dựng Vườn cây Bác Hồ tại ATK và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020.	Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 25/11/2021; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	55.478	6.161	3.121		
13	Bảo vệ và phát triển rừng huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2020	Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 12/11/2013; Quyết định số 4183/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	154.337	104.949	1.175		
14	Bảo vệ và phát triển rừng huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2020	Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	97.485	67.405	3.851		
15	Khu nuôi nhốt cách ly, kiểm dịch động vật	Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 26/3/2012	14.165	9.312	3.058		
16	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; Quyết định số 4037/QĐ-UBND ngày 16/12/2019; Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 29/4/2021; Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	231.223	20.825	11.150		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
17	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	124.616	6.317	1.951		
d)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		1.098.204	385.758	192.443		
1	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Con, phường Châu Sơn, TP Sông Công	Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	12.026	12.026	12.026		
2	Sửa chữa, khắc phục Kè Soi Quýt xã Tiên Phong, TX Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên)	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	15.000	15.000	15.000		
3	Cải tạo nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	150.000	150.000	69.142		
4	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1395/TTg-QHQT ngày 13/10/2020; Quyết định số 983/QĐ-TTg ngày 16/8/2022	921.178	208.732	96.275		
e)	Dự án chuẩn bị đầu tư		414.599	15.000	455		
1	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	414.599	15.000	455		
VIII.2	Công nghiệp		143.693	81.516	13.516		
a)	Dự án hoàn thành đã quyết toán		143.693	81.516	13.516		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020 (Công trình điện các xã thuộc huyện Võ Nhai)	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/10/2016; Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 07/5/2020	109.358	77.181	10.181		
2	Dự án Hỗ trợ chính sách phát triển năng lượng và tăng cường tiếp nhận năng lượng bền vững tới khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo	Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 21/12/2018; Quyết định số 3755/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	34.335	4.335	3.335		
VIII.3	Giao thông		9.871.883	4.210.159	924.667		
a)	Dự án hoàn thành đã quyết toán		37.974	37.974	37.934		
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT261 đoạn Km46+200-Km49+982 và cầu Dẽo tại lý trình Km45+136	Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09/7/2018; Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	37.974	37.974	37.934		
b)	Dự án hoàn thành		643.541	443.541	37.548		
1	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến ĐT 266 Khu công nghiệp Diêm Thụy	Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 13/6/2014; Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 09/10/2014; Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	297.740	297.740	21.280		
2	Đường nối từ QL3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình I (đoạn từ nút giao Yên Bình đến Km1+631,8m)	Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 19/9/2014; Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	345.801	145.801	16.268		
c)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		2.139.165	743.347	261.939		
1	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 19/02/2021	170.000	48.920	5.384		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP			Thanh toán nợ đọng XDCB
2	Nâng cấp đường Hóa Thượng - Hòa Bình (Nâng cấp thành đường ĐT.273)	Quyết định số 3295/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 19/02/2021	125.371	35.371	9.834		
3	Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng công trình đường trục nối ĐT 261 đến khu vực đền Gàn, Hồ Núi Cốc huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 16/9/2016; Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 18/9/2018	121.939	121.939	43.894		
4	Xây dựng đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội (đoạn tuyến đi trùng Đại lộ Đông - Tây khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt sông Cầu).	Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 20/7/2017; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 29/9/2020; Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 19/02/2021;	952.813	192.813	155.047		
5	Đường giao thông liên xã Trảng Xá - Phương Giao, huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên kết nối với huyện Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn	Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 3476/QĐ-UBND ngày 08/11/2017; Quyết định số 4018/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	170.000	48.920	13.173		
6	Đường Thăng Lợi kéo dài thành phố Sông Công	Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 29/02/2016; Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 08/11/2018	206.313	37.522	15.527		
7	Đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn, huyện Phú Lương	Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 27/08/2019; Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	90.719	25.852	8.580		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
8	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh)	Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	302.010	232.010	10.500		
d)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		5.402.849	1.850.385	536.247		
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	218.929	21.869	19.657		
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.266 đoạn từ Ngã tư Sông Công (giao Quốc lộ 3 cũ) đến Ngã tư Diêm Thụy (giao Quốc lộ 37)	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/3/2021; Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	200.956	200.956	156.808		
3	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 20/12/2022; Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	4.204.000	848.596	202.000		
4	Nâng cấp, mở rộng đường Gom đoạn từ nút giao Yên Bình đến Khu công nghiệp Yên Bình (Km0-Km2+100)	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	60.500	60.500	34.922		
5	Đường giao thông xóm Khe Cáy - Suối Khê, xã Vũ Chấn đi xóm Na Hấu, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	20.000	20.000	20.000		
6	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 20/7/2023; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 26/4/2024; Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	698.464	698.464	102.860		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP			
e)	Vốn chuẩn bị đầu tư		1.648.354	1.134.912	50.999		
1	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Ngã tư Thanh Xuyên đi về Chã, thị xã Phổ Yên	Quyết định 1107/QĐ-UBND ngày 14/4/2021; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 24/3/2023	70.000	21.000	200		
2	Dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi tổ dân phố Kim Thái, Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 20/5/2021; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 24/3/2023	49.618	15.000	100		
3	Dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ (Ngã tư Nam Tiến) đi trung tâm văn hóa xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	70.000	21.000	200		
4	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi Viện Quân y 91, thị xã Phổ Yên	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 20/5/2021; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 24/3/2023	50.000	15.000	100		
5	Đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (Đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 19/11/2021; Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	699.358	353.534	299		
6	Đường nối Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình đoạn từ KM3+516,9 đến Km5+434,18 và ĐT261 - giai đoạn II	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	82.282	82.282	100		
7	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	489.188	489.188	30.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
8	Dự án đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	137.908	137.908	20.000		
VIII.4	Khu công nghiệp		2.347.152	2.347.152	179.847		
1	Xây dựng Khu công nghiệp Sông Công II - diện tích 250ha, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 23/3/2017; Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	2.347.152	2.347.152	179.847		
VIII.5	Cấp nước, thoát nước		1.566.653	392.660	28.775		
a)	Dự án hoàn thành đã quyết toán		162.752	32.045	7.050		
1	Cấp nước thị xã Sông Công	Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 16/6/2015; Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 18/11/2016	162.752	32.045	7.050		
b)	Dự án hoàn thành đã quyết toán		950.488	252.717	3.995		
1	Dự án Hệ thống Thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 11/11/2016; Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 11/10/2012; Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	950.488	252.717	3.995		
c)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		438.543	93.028	2.860		
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	438.543	93.028	2.860		
d)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		14.870	14.870	14.870		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	Xây dựng Hồ sơ cố kết hợp hồ sinh học cho hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	14.870	14.870	14.870		
VIII.6	Du lịch		123.000	35.479	4.236		
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		123.000	35.479	4.236		
1	Đường du lịch ven hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc - Nam (03km đường + xây mới 02 cầu)	Quyết định số 2973/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 8/11/2017; Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	123.000	35.479	4.236		
VIII.7	Công nghệ thông tin		60.193	43.985	16.411		
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		55.693	39.485	11.911		
1	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tập trung trong cơ quan nhà nước tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2967a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 05/02/2018; Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	55.693	39.485	11.911		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		4.500	4.500	4.500		
1	Xây dựng hệ thống thông tin các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3986/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	4.500	4.500	4.500		
VIII.8	Quy hoạch		65.612	65.612	50.589		
1	Lập Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	65.612	65.612	50.589		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
VIII.9	Hỗ trợ thực hiện chính sách và bổ sung các quỹ ngoài ngân sách; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn		228.858	198.858	75.858		
1	Đầu tư các hạng mục công trình tại cơ sở 1 và cơ sở 2 của Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên (tính đối ứng)	Quyết định số 2598/QĐ-TLĐLD ngày 17/5/2021	35.000	5.000	5.000		
2	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	14.858	14.858	14.858		
3	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Quyết định số 3901/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	14.000	14.000	14.000		
4	Quỹ phát triển hợp tác xã	Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	40.000	40.000	40.000		
5	Hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/NĐ-CP; Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	125.000	125.000	2.000		
IX	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước		1.447.026	1.408.775	231.381		
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		558.170	519.919	65.623		
1	Nhà đa chức năng của UBND tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	181.288	181.288	22.360		
2	Sửa chữa nhà B Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên	Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 06/12/2018; Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	9.788	9.788	432		
3	Trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh	Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 30/9/2021; Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	8.598	8.598	3.620		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
4	Nhà làm việc Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản	Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 29/3/2017; Quyết định số 4174/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	4.980	4.980	288		
5	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 04/5/2019; Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	23.624	23.624	6.444		
6	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đồng Hỷ và các công trình phụ trợ	Quyết định số 3121a/QĐ-UBND ngày 11/10/2017; Quyết định số 3924/QĐ-UBND ngày 04/12/2019	227.700	227.700	27.700		
7	Xây dựng nhà công vụ và đón khách của Văn phòng Tỉnh ủy	Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 18/11/2016; Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	36.440	36.440	1.230		
8	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 21/QĐ-TWĐTN ngày 26/12/2012; Quyết định số 1879-QĐ/TWĐTN-VP ngày 29/11/2022	65.752	27.501	3.549		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		715.702	715.702	165.508		
1	Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 11/6/2021; Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 07/10/2021; Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	14.154	14.154	12.020		
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 05/11/2020; Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	14.500	14.500	216		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
3	Đầu tư xây dựng nhà làm việc Hạt kiểm lâm Phú Bình	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	2.869	2.869	2.869		
4	Xây dựng trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	405.000	405.000	88.612		
5	Xây dựng Trụ sở Hạt kiểm lâm Đại Từ	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	12.240	12.240	9.077		
6	Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và trụ sở làm việc trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	72.516	72.516	1.000		
7	Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 06/9/2024	194.423	194.423	51.714		
c)	Vốn chuẩn bị đầu tư		173.153	173.153	250		
1	Trụ sở tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 23/9/2021; Quyết định số 3235/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	18.700	18.700	50		
2	Trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh và một số cơ quan	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	90.000	90.000	100		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
3	Trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các chi cục trực thuộc	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	64.453	64.453	100		
X	Xã hội		103.036	26.765	13.223		
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		58.036	15.134	1.592	0	0
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 Quyết định số 4131/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	58.036	15.134	1.592		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		45.000	11.631	11.631		
1	Nâng cấp, cải tạo cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	45.000	11.631	11.631		
XI	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				1.610.033	0	
XI.1	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới				186.000		
XI.2	Các nhiệm vụ, dự án khác				43.643		
1	Đối ứng dự án ODA				10.005		
2	Nhiệm vụ, dự án				9.480		
3	Dự phòng				24.158		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
XI.3	PHÂN CẤP CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÀ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA				1.379.794		
a)	Phân phân cấp cho các địa phương				1.280.000		
b)	Đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia				99.794		
i	Đối ứng NS tỉnh cho Chương trình MTQG giảm nghèo				1.801		
*	Dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4)						
-	Dự án hỗ trợ việc làm bền vững (Tiểu dự án 3)		13.808	1.801	1.801		
	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kỹ thuật thông tin để hiện đại hóa thông tin thị trường lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	13.808	1.801	1.801		
2	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh hỗ trợ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025				97.993		
2.1	Ban Dân tộc tỉnh		1.623	165	165		
-	Đầu tư xây dựng phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 29/9/2023	1.623	165	165		
2.2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		68.527	8.946	7.787		
-	Dự án 6:		68.527	8.946	7.787		
+	Tu bổ, tôn tạo Cụm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Khuôn Tát xã Phú Đình, huyện Định Hoá	Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	4.010	523	467		
+	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Nùng xóm Tân Đổ, xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ	Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 08/6/2023; Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	10.642	1.389	1.346		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
+	Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tại xóm Bàn Tền, xã Văn Lăng, huyện Đồng Hỷ	Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2022; Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	1.137	148	148		
+	Tu bổ di tích Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc tại Đồi Tìn Keo xã Phú Đình, huyện Định Hoá (1948 - 1954)	Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	3.264	426	412		
+	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Tày, xóm Bàn Đông, xã Ôn Lương, huyện Phú Lương	Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	9.000	1.175	1.135		
+	Bảo tồn làng truyền thống người Sán Chỉ, xóm Đồng Kệu, xã Phú Đình, huyện Định Hóa	Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	10.700	1.396	1.266		
+	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tù Chợ Chu, thị trấn chợ Chu, huyện Định Hoá	Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	22.000	2.871	2.136		
+	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.	Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 16/6/2025	7.774	1.018	877		
2.3	Liên minh hợp tác xã		1.018	46	45		
-	Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 29/9/2023; Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	1.018	46	45		
2.4	Hỗ trợ các địa phương xây dựng Nông thôn mới				89.996		
XI.4	Hoàn trả vốn ứng trước NSTW giai đoạn 2016 - 2020		27.413	1.413	596		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đồng Xiền, xã Yên Lạc; Đập Núi Phán, xã Động Đạt, huyện Phú Lương	Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 26/7/2012; Quyết định số 3936/QĐ-UBND ngày 10/12/2012	27.413	1.413	596		
A2	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)		18.388.475	11.513.869	7.568.386	0	0
I	Quốc phòng		91.068	91.068	69.216		
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		27.568	27.568	8.875		
1	Hạng mục còn lại Cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2570/QĐ-BTL ngày 30/11/2018; Quyết định số 3904/QĐ-QK ngày 29/11/2023	21.072	21.072	3.875		
2	Ban Chỉ huy quân sự thị xã Phổ Yên - giai đoạn 3	Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	6.496	6.496	5.000		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		63.500	63.500	60.341		
1	Dự án cải tạo căn cứ chiến đấu 1, xã Phú Đổ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	30.000	30.000	26.841		
2	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự cấp xã năm 2021	Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 25/9/2021	33.500	33.500	33.500		
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		692.126	546.023	348.119		
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		231.528	115.764	27.842		
1	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 391/QĐ-H41-H45 ngày 31/12/2014; Quyết định số 9750/QĐ-H01-P4 ngày 29/12/2023	231.528	115.764	27.842		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		460.598	430.259	320.277		
1	Dự án Trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 31/3/2022; Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	108.141	99.580	99.580		
2	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	352.457	330.679	220.697		
III	Y tế, dân số và gia đình		266.725	185.000	13.537		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		266.725	185.000	13.537		
1	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn I)	Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 31/3/2021; Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 29/9/2023; Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	266.725	185.000	13.537		
IV	Văn hóa		462.000	299.000	76.947		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		462.000	299.000	76.947		
1	Dự án xây dựng quần thể Khu văn hóa - Thể thao - Công viên cây xanh thị xã Phổ Yên	Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 14/6/2021; Nghị quyết số 195/NQHĐND ngày 10/12/2021	400.000	254.000	51.947		
2	Xây dựng, mở rộng, tôn tạo di tích "Nơi thành lập cơ sở Đảng đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, tại xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên"	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	22.000	15.000	15.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
3	Cải tạo, sửa chữa Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, (ATK Định Hóa), xã Phú Đình, huyện Định Hóa	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 16/6/2022; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	40.000	30.000	10.000		
V	Thể dục, thể thao		960.114	699.114	698.814		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		960.114	699.114	698.814		
1	Xây dựng Sân vận động tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	535.992	335.992	335.692		
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao và Trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	313.122	313.122	313.122		
3	Xây dựng Sân vận động huyện Đại Từ (giai đoạn 1)	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	111.000	50.000	50.000		
VI	Các hoạt động kinh tế		14.810.635	8.587.856	4.971.877		
VI.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		858.330	313.438	220.249		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		858.330	313.438	220.249		
1	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	414.599	15.000	14.545		
2	Cải tạo nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	150.000	150.000	57.266		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
3	Dự án Bố trí ổn định dân cư tại chỗ vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở và lũ ống, lũ quét thuộc 06 xã: Na Mao, Đức Lương, Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Tân Linh và Kỳ Phú, huyện Đại Từ	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	20.000	20.000	20.000		
4	Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/6/2022; Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	108.438	108.438	108.438		
5	Dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn Hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước	Quyết định số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023; Quyết định số 2603/QĐ-BNN-TL ngày 29/6/2023	165.293	20.000	20.000		
VI.2	Giao thông		11.462.153	5.871.787	4.103.356		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		11.462.153	5.871.787	4.103.356		
1	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 20/12/2022; Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	4.204.000	848.596	646.596		
2	Đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (Đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 19/11/2021; Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	699.358	353.534	353.235		
3	Đường vành đai I (Đoạn Bờ Đậu Phú Lương - Hóa Thượng Đồng Hỷ)	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	972.529	972.529	923.241		
4	Đường kết nối ĐT.265 (xã Bình Long, huyện Võ Nhai) đi Bắc Giang	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	291.055	291.055	291.055		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP			Thanh toán nợ đọng XDCB
5	Đường nối Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình đoạn từ Km3+516,9 đến Km5+434,18 và ĐT261 - giai đoạn II	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	82.282	82.282	82.282		
6	Xây dựng Cầu An Long và Đường kết nối tỉnh lộ ĐT.270 với tỉnh lộ ĐT.261 huyện Đại Từ	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	350.000	150.000	150.000		
7	Nâng cấp, mở rộng đường Gom đoạn từ nút giao Yên Bình đến Khu công nghiệp Yên Bình (Km0-Km2+100)	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	60.500	60.500	25.578		
8	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom bên trái cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đoạn từ nút giao Sông Công đến nút giao Tân Lập	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	863.120	652.000	52.828		
9	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh)	Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	302.010	232.010	221.510		
10	Cầu Quang Vinh 1, Quang Vinh 2 và hệ thống đường giao thông kết nối phường Đồng Bầm, phường Quang Vinh và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 09/11/2021; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26/4/2024; Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	1.528.400	373.000	373.000		
11	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 20/7/2023; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	698.464	698.464	331.503		
12	Tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 và đường tỉnh ĐT269B, tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 17/02/2023	222.765	222.765	222.765		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP			
13	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	489.188	489.188	270.000		
14	Dự án đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	137.908	137.908	70.000		
15	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.266 đoạn từ Ngã tư Sông Công (giao Quốc lộ 3 cũ) đến Ngã tư Diêm Thụy (giao Quốc lộ 37)	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/3/2021; Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	200.956	200.956	27.216		
16	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Ngã tư Thanh Xuyên đi về Chũ, thị xã Phổ Yên	Quyết định 1107/QĐ-UBND ngày 14/4/2021; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 24/3/2023	70.000	21.000	4.529		
17	Dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi tới dân phố Kim Thái, Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 20/5/2021; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 24/3/2023	49.618	15.000	3.244		
18	Dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ (Ngã tư Nam Tiến) đi trung tâm văn hóa xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	70.000	21.000	16.529		
19	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi Viện Quân y 91, thị xã Phổ Yên	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 20/5/2021; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 24/3/2023	50.000	15.000	3.245		
20	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ vành đai V vùng thủ đô Hà Nội đi Khu di tích Lý Nam Đế, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên (đoạn tuyến từ đường Vành đai V vùng Thủ đô mở mới về phía Nam đến khu Chùa Hương Ấp)	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	120.000	35.000	35.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
VI.2	Khu công nghiệp		2.347.152	2.347.152	409.529		
i	Xây dựng Khu công nghiệp Sông Công II - diện tích 250ha, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 23/3/2017 Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	2.347.152	2.347.152	409.529		
VI.3	Công nghệ thông tin		20.000	20.000	15.500		
1	Dự án phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	20.000	20.000	15.500		
VI.4	Du lịch		123.000	35.479	23.243		
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		123.000	35.479	23.243		
1	Đường du lịch ven hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc - Nam (3km đường + xây mới 2 cầu)	Quyết định số 2973a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 8/11/2017; Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	123.000	35.479	23.243		
VI.5	Hỗ trợ thực hiện chính sách và bổ sung các quỹ ngoài ngân sách; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn				200.000		
1	Cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				200.000		
VII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		1.105.807	1.105.807	537.689		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		1.105.807	1.105.807	537.689		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
1	Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 11/6/2021; Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 07/10/2021; Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	14.154	14.154	2.144		
2	Trụ sở tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 23/9/2021; Quyết định số 3235/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	18.700	18.700	18.700		
3	Trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh và một số cơ quan	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	90.000	90.000	72.307		
4	Trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các chi cục trực thuộc	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	64.453	64.453	64.452		
5	Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	405.000	405.000	316.388		
6	Xây dựng mới Nhà làm việc, nhà hội trường 250 chỗ của Sở Y tế và Chi cục dân số Kế hoạch hóa gia đình	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	37.000	37.000	37.000		
7	Dự án Nhà Trung tâm sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	214.710	214.710	100		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
8	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 05/11/2020; Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	14.500	14.500	14.000		
9	Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10 phụ nữ tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 29/9/2023	52.867	52.867	471		
10	Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 06/9/2024	194.423	194.423	12.127		
VIII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				852.186		
VIII.1	Dự án hoàn trả vốn vay, ứng từ các quỹ (*)		193.025	143.584	143.584		
1	Xây dựng hạ tầng khu đô thị số 4 thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình		60.257	60.257	60.257		
2	Xây dựng hạ tầng khu đô thị số 5 thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình		78.543	78.543	78.543		
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xóm Gò Cao, xã Hóa Thượng		54.225	4.784	4.784		
VIII.2	Hỗ trợ các địa phương xây dựng Nông thôn mới				323.535		
VIII.3	Dự phòng phân bổ cho các dự án, công trình khác				385.067		
A3	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN THUÊ ĐẤT CÓ SƠ SỞ HẠ TẦNG NỢP TRẢ MỘT LẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN SỬ DỤNG ĐẤT		4.874.256	4.754.256	1.243.700		
a	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2021		4.853.256	4.733.256	1.222.700		
1	Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Diêm Thụy phần diện tích 180ha - Khu A	Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 24/10/2011	1.416.954	1.296.954	177.653		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư và nhà ở cho công nhân khu công nghiệp Diêm Thụy (Phần diện tích 180 ha).	Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 20/8/2013	198.337	198.337	165.244		
3	Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân tại xóm Hắng, xã Hồng Tiến, huyện Phố Yên phục vụ Khu công nghiệp Diêm Thụy phần diện tích 180ha	Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	202.380	202.380	102.697		
4	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường ĐT266 (đoạn Km3 ÷ Km4+725,87)	Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	76.833	76.833	13.947		
5	Mương thoát nước ngập úng cho khu vực ngoài Quy hoạch Khu công nghiệp Diêm Thụy (DT 180 ha)	Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 06/10/2014; Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	12.156	12.156	67		
6	San nền tạo khuôn viên cây xanh và cảnh quan khu vực xen kẽ giữa đường Gom vào Khu công nghiệp Yên Bình và Quốc lộ 3 mới	Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 20/10/2014; Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 08/3/2017	14.552	14.552	35		
7	Đường 36m nối Khu công nghiệp Sông Công II với QL.3 cũ và nút giao Sông Công	Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	264.564	264.564	142.437		
8	Xây dựng Khu công nghiệp Sông Công II - diện tích 250ha, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 23/3/2017; Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	2.347.152	2.347.152	403.960		
9	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Sông Công II	Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	320.328	320.328	216.660		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		21.000	21.000	21.000		
1	Xây dựng hoàn trả đường Nguyễn Văn Cừ đoạn tránh Khu công nghiệp Sông Công II	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19/5/2021	21.000	21.000	21.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
A4	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT		195.980	195.980	86.000	0	0
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		195.980	195.980	40.000		
I.1	Các dự án lĩnh vực giáo dục cấp huyện quản lý		85.380	85.380	13.000		
a	Các dự án hoàn thành đã quyết toán		14.105	14.105	271		
1	Xây dựng 18 phòng học mẫu giáo 5 tuổi trên địa bàn huyện Võ Nhai	Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 24/10/2014;	14.105	14.105	271		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		71.275	71.275	12.729		
1	Nhà lớp học 10 phòng Trường Tiểu học Thành Công 3	Quyết định số 7773/QĐ-UBND ngày 28/12/2018; Quyết định số 11352/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	4.339	4.339	1.500		
2	Trường Mầm non Thăng Lợi	Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 31/03/2022	19.074	19.074	1.600		
3	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn Quân Chu	Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 20/8/2020; Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	5.858	5.858	1.500		
4	Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học Trường mầm non Diêm Thụy	Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 39/3/2021	8.696	8.696	1.000		
5	Nhà lớp học 03 tầng 15 phòng học Trường Trung học cơ sở Tân Khánh	Quyết định số 5484/QĐ-UBND ngày 24/11/2020; Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	9.552	9.552	1.000		
6	Trường Tiểu học Cổ Lũng	Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 20/4/2021; Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	5.452	5.452	1.600		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
7	Trường Tiểu học Linh Thông (Hạng mục: Nhà 02 tầng 08 phòng học bộ môn, phòng chức năng)	Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 31/5/2021; Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	6.387	6.387	1.800		
8	Trường Mầm non Tân Long - điểm trường Đồng Mây	Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	1.962	1.962	1.500		
9	Trường Mầm non Liên Cơ, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai (Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng và các phòng chức năng)	Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 13/10/2021; Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 05/5/2022	9.955	9.955	1.229		
I.2	Các dự án lĩnh vực GDDT cấp tỉnh quản lý		110.600	110.600	27.000		
a	Dự án chuyển tiếp		98.600	98.600	15.000		
1	Xây dựng Trường THPT Đội Cấn, huyện Đại từ	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	98.600	98.600	15.000		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		12.000	12.000	12.000		
1	Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Diêm Thụy	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	6.000	6.000	6.000		
2	Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	6.000	6.000	6.000		
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				46.000		
II.1	Hỗ trợ đại phương xây dựng nông thôn mới				26.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
II.2	Hỗ trợ địa phương đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao				20.000		
A5	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		1.060.435	1.060.435	1.060.435		
B	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI, CÁC NGUỒN VỐN KHÁC ĐƯỢC BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		106.630	106.630	106.630	-	-
B1	VỐN TỈNH BỔ SUNG VÀO TRUNG HẠN (Từ nguồn dự phòng NSTW hỗ trợ)		106.630	106.630	106.630	-	-
1	Sửa chữa hồ Cỏ Pài, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	3.300	3.300	3.300		
2	Sửa chữa hồ Cỏ Pén, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	2.650	2.650	2.650		
3	Sửa chữa hồ Thâm Ngùn, xã Lam Vỹ, huyện Định Hoá	Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	2.750	2.750	2.750		
4	Sửa chữa hồ Na Hiên, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1.400	1.400	1.400		
5	Sửa chữa hồ Khuổi Trạng, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.350	3.350	3.350		
6	Sửa chữa hồ Đồng Đình 1, xã La Hiên, huyện Võ Nhai	Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1.700	1.700	1.700		
7	Khoan phụt vữa gia cố thân đê tuyến đê Hà Châu, tuyến đê Chà và tuyến đê Tả Công	Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	7.950	7.950	7.950		
8	Sửa chữa hồ Gò Miếu, xã Ký Phú (nay là xã Vạn Phú), huyện Đại Từ	Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	30.800	30.800	30.800		
9	Sửa chữa hồ Bia, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	4.300	4.300	4.300		
10	Sửa chữa hồ Cây Thị, xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ	Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	7.980	7.980	7.980		
11	Sửa chữa hồ Long Vỹ, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	3.050	3.050	3.050		
12	Sửa chữa hồ Suối Diều, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ	Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	8.400	8.400	8.400		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
13	Sửa chữa trạm bơm Cống Táo, phường Thuận Thành, thành phố Phố Yên	Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	6.900	6.900	6.900		
14	Sửa chữa hồ Thâm Quang, xã Hợp Thành, huyện Phú Lương	Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.200	1.200	1.200		
15	Sửa chữa hồ Kim Cương, xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ	Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 24/5/2025	7.250	7.250	7.250		
16	Sửa chữa hồ Cây Hồng, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 24/5/2025	9.650	9.650	9.650		
17	Sửa chữa hồ Khe Cuông, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	4.000	4.000	4.000		
C	VỐN ĐIỀU CHUYỂN TỪ CÁC DỰ ÁN CẤP HUYỆN CHUYỂN VỀ CẤP TỈNH QUẢN LÝ		7.137.001	2.865.125	2.319.337		
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		6.151.666	1.885.914	1.885.914		
1	Xây dựng đường giao thông nội bộ Trung tâm chữa bệnh - GD - LDXH thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 17339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2.310	513	513		
2	Xây dựng nhà điều hành tại Cơ sở điều trị nghiện tự nguyện và Công tác xã hội thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 11656/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	5.175	1.075	1.075		
3	Xây dựng Trung tâm Chữa bệnh GDLĐXH (D.A 41 tỷ đồng) (GD1+GD2)	Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 08/4/2009	21.139	671	671		
4	Xây dựng 01 hầm hợp kiên cố trong căn cứ chiến đấu cho cơ quan khối Đảng, thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 4881/QĐ-UBND ngày 25/6/2018	5.619	1.344	1.344		
5	Xây dựng 01 hầm hợp kiên cố cho khối Chính quyền trong căn cứ chiến đấu của Thành phố tại tổ 11B, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 5056/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	8.153	2.046	2.046		
6	Gia cố mái taluy cửa hầm và đường vào hầm hợp trong căn cứ chiến đấu khối Đảng thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 8679/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	921	451	451		
7	Nhà đa năng Liên đoàn lao động thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3.473	913	913		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
8	Xây dựng trường bắn cấp Trung đoàn phục vụ cho Lực lượng vũ trang thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	13.898	13.497	13.497		
9	Một số hạng mục của Ban Chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 13690/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	22.852	21.979	21.979		
10	Xây dựng một số hạng mục phục vụ diễn tập phòng thủ tại căn cứ chiến đấu 02 (hầm hợp khối Thành ủy, trận địa phòng không, nhà xa bàn, đường nội bộ, hệ thống hầm hào và các công trình phụ trợ)	Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	14.997	14.997	14.997		
11	Đầu tư xây dựng cầu Quang Vinh 1, cầu Quang Vinh 2 và hệ thống đường giao thông kết nối phường Đồng Bẩm, phường Quang Vinh và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 1021/QĐ-UBND; ngày 15/5/2024	1.528.400	840.600	840.600		
12	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	210.581	40.500	40.500		
13	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	1.843.576	214.485	214.485		
14	Phát triển tổng hợp đô thị động lực - thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	2.449.992	712.263	712.263		
15	Khắc phục sạt lở tại chân tháp ăng ten, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, phường Gia Sang, thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 13144/QĐ-UBND ngày 06/9/2024	20.580	20.580	20.580		
II	THÀNH PHỐ PHỖ YÊN		64.633	64.633	64.633		
1	Cải tạo Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố PhỖ Yên	Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	14.403	14.403	14.403		
2	Đường vào khu căn cứ chiến đấu thành phố PhỖ Yên	Quyết định số 4938/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	7.998	7.998	7.998		
3	Xây dựng hầm hợp khối chính quyền trong Căn cứ chiến đấu 2	Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	14.990	14.990	14.990		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
4	Xây dựng trận địa phòng không tại xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên	Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	1.983	1.983	1.983		
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ Trụ sở mới Ban chỉ huy Quân sự thị xã Phổ Yên	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	13.274	13.274	13.274		
6	Xây dựng hầm hợp khối dâng, đoàn thể trong căn cứ chiến đấu 2 của thị xã Phổ Yên	Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	11.985	11.985	11.985		
III	THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG		877.508	877.415	331.627		
1	Bổ sung quỹ hỗ trợ hội nông dân	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	900	900	900		
2	Khu căn cứ chiến đấu quốc phòng	Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	16.294	16.294	16.294		
3	Quy hoạch khu căn cứ chiến đấu quốc phòng thành phố Sông Công	Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	293	200	200		
4	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang (Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Sông Công 2)	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13/03/2024; Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	33.812	33.812	19.943		
5	Mở rộng khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang (khu tái định cư Tân Tiến mở rộng)	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 03/7/2024	292.861	292.861	42.898		
6	Khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2 xã Bá Xuyên (Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bá Xuyên)	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 03/07/2024; Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	314.700	314.700	60.000		
7	Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1)	Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	188.000	188.000	179.392		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
8	Nghĩa trang xã Bá Xuyên, xã Tân Quang	Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	30.648	30.648	12.000		
IV	HUYỆN ĐẠI TỪ		26.640	26.640	26.640		
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng khuôn viên Ban Chỉ huy quân sự huyện	Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 12/03/2021	104	104	104		
2	Xây dựng hàng rào bảo vệ xung quanh Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ	Quyết định số 6071/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	2.764	2.764	2.764		
3	Hầm ngầm trong căn cứ chiến đấu của huyện tại xã Mỹ Yên	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	8.675	8.675	8.675		
4	Mở rộng trụ sở Công an huyện Đại Từ	Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 15/07/2021	2.100	2.100	2.100		
5	Bồi thường GPMB Mở rộng trụ sở Công an huyện Đại Từ	Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 18/08/2021	7.997	7.997	7.997		
6	Cải tạo khuôn viên Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ	Quyết định số 3828/QĐ-UBND ngày 19/08/2024	5.000	5.000	5.000		
V	HUYỆN ĐỒNG HỖ		9.429	3.398	3.398		
1	Trận địa phòng không 12,7mm + Đài quan sát xã Khe Mo huyện Đồng Hỷ	Quyết định số 3906/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	909	234	234		
2	Xây dựng công trình ngầm trong căn cứ chiến đấu huyện Đồng Hỷ	Quyết định số 3905/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	7.729	2.404	2.404		
3	Xây dựng đường dây truyền tải trung thế 22kv cấp điện cho doanh trại mới	Quyết định số 3904/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	791	760	760		
VI	HUYỆN VÕ NHAİ		7.125	7.125	7.125		
1	Các hạng mục phụ trợ trong khu căn cứ chiến đấu huyện Võ Nhai	Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	2.310	2.310	2.310		
2	Đề án Bổ sung vốn Điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân huyện Võ Nhai giai đoạn 2022 - 2025	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	1.500	1.500	1.500		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
3	Xây dựng khán đài phục vụ nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương	Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 28/2/2020	395	395	395		
4	Xây dựng trận địa phòng không khu căn cứ chiến đấu huyện Võ Nhai	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	2.920	2.920	2.920		

PHỤ LỤC III

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CỦA TỈNH BẮC KẠN TRƯỚC SẮP XẾP VÀO TỈNH THÁI NGUYÊN SAU SẮP XẾP**

(Kèm theo Nghị quyết số **60** /NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
	TỔNG SỐ		23.337.189	8.164.537	4.345.647		
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI		16.966.496	4.822.629	3.037.889		
A1	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG		11.893.612	3.374.715	2.136.137		
I	Quốc phòng		66.521	61.587	39.475		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		10.034	8.500	140		
1	Doanh trại Trường Quân sự địa phương tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	5.000	5.000	67		
2	Khu sơ tán của huyện Ngân Sơn, hạng mục Hàm hợp Ban Chấp hành và Nhà Sa bàn	Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 09/8/2019	5.034	3.500	73		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		56.487	53.087	39.335		
1	Xây dựng, cải tạo các công trình chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2021	Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 07/4/2021	28.500	28.500	21.565		
2	Xây dựng các hạng mục phụ trợ Kho vật chứng bảo quản vũ khí quân dụng vật liệu nổ, chất cháy tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	1.200	1.200	1.200		
3	Hỗ trợ huyện Chợ Mới xây dựng công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ huyện Chợ Mới	Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	6.900	3.500	3.500		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCh	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
4	Nhà kho, xe, pháo, huấn luyện Dân quân tự vệ/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	8.500	8.500	8.070		
5	Cải tạo, nâng cấp doanh trại cơ quan Bộ CHQS tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	11.387	11.387	5.000		
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		104.919	104.919	50.918		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		104.919	104.919	50.918		
1	Đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho lực lượng công nghệ cao và an ninh mạng	Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	14.500	14.500	14.500		
2	Trụ sở làm việc Công an xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	4.680	4.680	4.300		
3	Trụ sở làm việc công an phường Xuất Hóa	Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	6.446	6.446	6.200		
4	Xây mới nhà ở doanh trại và sửa chữa cơ sở làm việc cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	3.000	3.000	3.000		
5	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trụ sở các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Dân tộc tỉnh, Ban QLDA ĐTXD tỉnh, Đài PT và TH tỉnh	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	3.293	3.293	3.293		
6	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2025	Nghị quyết 10/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	60.000	60.000	12.625		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
7	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024 - 2025	Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	13.000	13.000	7.000		
III	Giáo dục, đào tạo		505.141	211.826	65.441	0	
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		41.691	27.400	659		
1	Xây dựng trường mầm non Nông Thịnh đạt chuẩn Quốc gia	Quyết định số 2338a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6.599	2.159	227		
2	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Địa Linh đạt chuẩn huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	7.000	5.000	250		
3	Nâng cấp trường tiểu học Nông Thịnh để công nhận lại đạt chuẩn quốc gia mức độ I	Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	7.189	2.000	100		
4	Trường Mầm non liên cơ huyện Chợ Đồn	Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 23/4/2022	18.208	18.208	49		
5	Trường THCS thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 15/3/2007	2.695	33	33		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		463.450	184.426	64.782		
1	Trường Mầm non Vi Hương, huyện Bạch Thông	Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	9.000	9.000	7.371		
2	Trường Tiểu học Phương Viên, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	14.502	14.502	1.895		
3	Trường THCS Quảng Chu, huyện Chợ Mới	Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	8.780	8.780	1.911		
4	Trường Mầm non Nhạn Môn, huyện Pác Nặm	Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 20/02/2023	14.910	14.910	10.506		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trọng đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
5	Kè chống sạt lở Trường mầm non thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 5/4/2022	1.500	1.500	1.500		
6	Xây dựng trường mầm non Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 13/02/2022; Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	6.677	6.677	6.357		
7	Trường TH&THCS Lam Sơn, huyện Na Rì	Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 29/7/2021; Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	6.000	6.000	3.132		
8	Trường Tiểu học Hiệp lực, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	12.438	12.438	2.938		
9	Trường Mầm non Như Cố	Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	10.000	8.000	8.000		
10	Sửa chữa, nâng cấp trường THCS Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	14.822	8.119	8.119		
11	Dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trường học trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 27/12/2021; Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	350.321	80.000	7.203		
12	Dự án Xây dựng mới trường Mầm non Hà Hiệu	Quyết định số 1251/QĐ-UBND 7/7/2023	14.500	14.500	5.850		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
IV	Khoa học và công nghệ		4.987	4.987	130		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		4.987	4.987	130		
1	Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm thuộc Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021 - 2025	Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 02/3/2022; Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 07/3/2024	4.987	4.987	130		
V	Y tế, dân số và gia đình		1.101.809	119.387	73.259		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		1.029.406	46.984	2.566		
1	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm	Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.554	3.554	606		
2	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn	Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.272	3.272	573		
3	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Ba Bể	Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.800	1.800	163		
4	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.999	1.999	315		
5	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.870	1.870	320		
6	Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 18/5/2009; Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 22/3/2010	982.870	448	448		
7	Bệnh viện đa khoa huyện Bạch Thông	Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 23/4/2014	34.041	34.041	141		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		72.403	72.403	70.693		
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Trung cấp Y tế Bắc Kạn thành cơ sở điều trị	Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	40.000	40.000	40.000		
2	Sửa chữa trung tâm y tế tuyến huyện	Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 6/9/2021; Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	14.950	14.950	14.406		
3	Đầu tư thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn (Máy phát tia Plasma lạnh)	Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	1.703	1.703	1.681		
4	Cải tạo, sửa chữa bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn (nhà C); Nhà làm việc chỉ cục dân số - KHHGĐ; Trung tâm y tế huyện Pác Nặm; Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	12.450	12.450	11.550		
5	Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp khoa điều trị nội trú cho người bệnh thuộc diện Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh	Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	3.300	3.300	3.056		
VI	Văn hóa, thông tin		8.895	7.395	5.357		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		2.009	2.009	870		
1	Sửa chữa nhà văn hóa tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	2.009	2.009	870		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		6.886	5.386	4.487		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	Dự án tu bổ di tích lịch sử Coong Tát, thôn Bản Duồm, xã Thượng Ân	Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 08/01/2022	2.800	2.800	2.627		
2	Cải tạo, sửa chữa Bảo tàng tỉnh	Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	2.500	1.000	400		
3	Hàng rào khu Văn hoá thể thao Tổng Địch	Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 28/7/2023; Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	1.586	1.586	1.460		
VII	Thể dục, thể thao		260.000	140.000	41.200		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		260.000	140.000	41.200		
1	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	260.000	140.000	41.200		
VIII	Phát thanh, truyền hình		28.745	28.745	21.012		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		4.998	4.998	61		
1	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Đài truyền thanh cơ sở để hoàn thành mục tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XI về chỉ tiêu: "đến năm 2020, 100% các xã, phường có trạm truyền thanh hoạt động tốt".	Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 15/8/2019	4.998	4.998	61		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		23.747	23.747	20.951		
2	Hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	23.747	23.747	20.951		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
IX	Nông nghiệp, lâm nghiệp		443.200	134.489	39.178		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		411.620	104.489	18.678		
1	Khu cách ly kiểm dịch động vật	Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	1.794	1.794	39		
2	Khắc phục sạt lở đất tại thôn Khuổi Lót, xã Thanh Bình, huyện Chợ Mới (kinh phí trồng rừng thay thế)	Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	3.412	3.412	196		
3	Kè chống xói lở bờ hữu Sông Cầu đoạn qua tổ Bản Vén, phường Huyền Tụng, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	25.700	12.000	6.000		
4	Kè bờ sông cầu bảo vệ khu dân cư, công trình quốc phòng và hạ tầng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 02/7/2020	38.500	3.500	162		
5	Khắc phục khẩn cấp vùng sạt lở đất xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 03/7/2020; Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	21.800	5.167	5.167		
6	Dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2	Quyết định số 4714/QĐ-BNN-HTQT ngày 13/11/2015, Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 08/11/2017	77.998	15.680	6.680		
7	Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc	Quyết định số 2881/QĐ-BNN-KH ngày 13/11/2012; Quyết định số 3355/QĐ-BNN-KH ngày 10/8/2017	134.777	17.857	192		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
8	Xây dựng đường lâm nghiệp năm 2020 thuộc Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011 - 2020	Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	8.614	37	37		
9	Kè chống xói lở xã Nam Cường huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	45.000	45.000	164		
10	Bảo vệ và phát triển rừng huyện Ngân Sơn giai đoạn 2016 - 2020	Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 02/7/2016	54.025	41	41		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		31.580	30.000	20.500		
1	Hỗ trợ kết cấu hạ tầng các Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	31.580	30.000	20.500		
X	Giao thông		4.062.253	590.627	300.211		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		3.530.894	333.548	186.050		
1	Đường từ trung tâm xã - Nà Cáy, xã Cao Sơn, huyện Bạch Thông	Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 02/12/2013	46.100	2.017	145		
2	Sửa chữa, nâng cấp mặt đường từ ĐT 254 đến thôn Vằng Doọc, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	3.000	3.000	501		
3	Đường Vũ Loan - Văn Học, huyện Na Rì	Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12.000	12.000	2.730		
4	Nâng cấp, cải tạo ĐT255, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 11/7/2011; Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 28/3/2017	416.203	31.666	1.444		
5	Xây dựng cầu dân sinh và QLTS đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần cầu (huyện Bạch Thông)	Quyết định số 2529/QĐ-TTg, ngày 21/12/2015; Quyết định số 622/QĐ-BGTVT, ngày 02/3/2016	722	722	518		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
6	Đường vào trung tâm chữa bệnh - giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	6.058	6.058	3.810		
7	Tiểu dự án Giải phóng mặt bằng thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp QL3B đoạn Xuất Hoá - Cửa khẩu Pò Mã (Km0 - Km66+600) Hạng mục: Tiểu dự án Giải phóng mặt bằng thuộc dự án Cải tạo nâng cấp QL3B đoạn Xuất Hoá - Cửa khẩu Pò Mã (Km0 - Km66+600) (Giai đoạn I)	Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	157.453	223	223		
8	Đường cứu hộ, cứu nạn vùng sạt lở, lũ quét huyện Pác Nặm	Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	51.549	53	53		
9	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn – Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	2.837.809	277.809	176.626		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		524.871	251.091	112.448		
1	Cầu vượt dòng thôn Khuổi Sluôn, xã Dương Sơn, huyện Na Rì	Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	10.000	7.000	7.000		
2	Tuyến đường từ QL3 xã Hiệp Lực - QL279 (thôn Liên Kết)	Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	30.000	27.000	27.000		
3	Cầu Nà Mực, xã Văn Minh, huyện Na Rì	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	9.000	8.000	7.911		
4	Cống hộp bê tông cốt thép tại lý trình Km8+432 thuộc tuyến đường từ xã Lương Bằng đi Tuyên Quang	Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	3.989	3.989	3.783		
5	Cầu Máy Van và Cầu Slam Coóc, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	7.800	6.700	6.700		
6	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và vỉa hè đường lên trụ sở Tỉnh ủy và UBND tỉnh	Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 8/11/2021	7.500	7.500	7.500		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
7	Tràn liên hợp cống đường từ ĐT.251 vào khu Mò Lả, xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	2.000	2.000	1.805		
8	Đường từ Di tích Coong Tát đến thôn Bản Duồm B, xã Thượng Ân	Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	4.200	3.000	3.000		
9	Đường nội thị thị trấn Phú Thông, huyện Bạch Thông	Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; Quyết định số 13/NQ-HĐND ngày 28/3/2024	123.800	25.320	6.320		
10	Dự án Cầu Nà Đi, thôn Phiêng Phục, xã Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/4/2023; Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	2.000	2.000	1.850		
11	Sửa chữa, nâng cấp công trình vượt dòng phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông đường tràn Km13+900 ĐT251 tại xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	10.500	10.500	2.296		
12	Sửa chữa, nâng cấp công trình vượt dòng phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông đường tràn Km1+200 ĐT.254B tại xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	12.000	12.000	7.500		
13	Xây dựng Hạ tầng trung tâm huyện Pác Nặm	Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	110.000	25.000	10.391		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
14	Đường nội thị, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 22/6/2023; Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	116.300	35.300	9.294		
15	Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL3 - cầu Phiêng My, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn (Đoạn Km0+00-Km1+450)	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	75.782	75.782	10.098		
c)	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		6.488	5.988	1.713		
1	Dự án cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	6.488	5.988	1.713		
XI	Công nghiệp		80.049	76.732	21.085		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		7.619	4.302	1.835		
1	Xử lý kỹ thuật mái taluy dương và hệ thống thoát nước phía Đông Khu công nghiệp Thanh Bình	Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	4.113	4.113	1.646		
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn II	Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 11/5/2017	3.506	189	189		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		72.430	72.430	19.250		
1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn năm 2024	Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 11/6/2024; Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 24/8/2024	14.500	14.500	7.250		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
2	Hoàn thiện mặt bằng phần diện tích còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	57.930	57.930	12.000		
XII	Cấp nước, thoát nước		274.648	31.289	2.954		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		274.648	31.289	2.954		
1	Dự án cấp nước và vệ sinh thị xã Bắc Kạn (hợp phần thoát nước)	Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 25/6/2009; Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 22/9/2016	256.419	31.135	2.800		
2	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp, thoát nước và vệ sinh thị trấn Chợ Rã, tỉnh Bắc Kạn (Phần thoát nước)	Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 10/01/2008; Quyết định số 3528/QĐ-UBND ngày 18/11/2023	18.229	154	154		
XIII	Công nghệ thông tin		58.443	28.443	11.055		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		47.500	17.500	112		
1	Nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 15/8/2019	2.000	2.000	79		
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước hướng tới xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	45.500	15.500	33		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		10.943	10.943	10.943		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo an toàn thông tin mạng và số hoá tài liệu giai đoạn 2021 - 2025	Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	7.943	7.943	7.943		
2	Đầu tư hệ thống phục vụ công tác số hoá Hồ sơ nghiệp vụ công an nhân dân	Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	3.000	3.000	3.000		
XIV	Quy hoạch		84.278	75.278	58.112		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		84.278	75.278	58.112		
1	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 19/11/2020; Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 3/3/2022	39.143	39.143	22.020		
2	Lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	21.360	12.360	12.360		
3	Điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng (trước đây là quy hoạch chi tiết) Khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn I	Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	692	692	692		
4	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu Tái định cư và Dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn I	Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	483	483	440		
5	Hỗ trợ kinh phí lập quy hoạch chung xã, thị trấn và quy hoạch các điểm dân cư nông thôn		22.600	22.600	22.600		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
XV	Xã hội		18.725	15.425	15.057		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		18.725	15.425	15.057		
1	Cải tạo, sửa chữa cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh	Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 06/9/2021; Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	12.034	12.034	11.775		
2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tường rào khu quản lý học viên của cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 03/4/2023; Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	1.691	1.691	1.582		
3	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Trung tâm điều dưỡng người có công năm 2023	Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 03/7/2023; Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	5.000	1.700	1.700		
XVI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước		306.010	258.358	142.357		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		131.424	90.264	13.293		
1	Nhà khách tỉnh Bắc Kạn (khu B)	Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	2.738	2.738	21		
2	Hội trường tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 22/02/2018; Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	46.111	21.111	1.362		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc liên cơ quan Chi cục Thú y - Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật - Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản - Trung tâm khuyến nông	Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.163	3.163	245		
4	Trụ sở làm việc Sở Lao động, Thương binh & Xã hội	Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.710	1.710	188		
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Kế hoạch & Đầu tư	Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.530	1.530	264		
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Thông tin & Truyền thông	Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	2.672	2.672	405		
7	Trụ sở UBND xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 9/8/2019	7.188	5.000	10		
8	Trụ sở UBND xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 9/8/2019	6.667	5.000	250		
9	Trụ sở UBND xã Bình Văn, huyện Chợ Mới	Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	7.150	5.000	120		
10	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Tỉnh ủy và trụ sở các Ban xây dựng đảng Tỉnh ủy	Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	18.245	18.245	5.137		
11	Hỗ trợ UBND huyện Ngân Sơn để xây dựng Trụ sở UBND xã Lăng Ngâm	Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.200	5.000	4.750		
12	Trụ sở UBND xã Chu Hương, huyện Ba Bể	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	7.097	5.000	250		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
13	Trụ sở UBND xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	6.988	5.000	158		
14	Trụ sở UBND xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	8.000	5.000	39		
15	Trụ sở UBND xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới	Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	2.566	2.095	32		
16	Trụ sở UBND xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới	Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	2.400	2.000	62		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		174.586	168.094	129.064		
1	Cải tạo, nâng cấp trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2170/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 2154/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	5.000	5.000	5.000		
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	6.000	6.000	6.000		
3	Trạm Kiểm soát liên ngành trên Quốc lộ 3 mới Chợ Mới - Thái Nguyên	Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 29/8/2022; Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	14.200	14.200	14.200		
4	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở Sở Nội vụ	Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	5.300	5.300	4.765		
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	3.400	3.400	3.309		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
6	Xây bổ sung nhà làm việc Hội Chữ thập đỏ + Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	Quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	737	737	711		
7	Cải tạo, sửa chữa Nhà Văn hóa tỉnh	Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	1.500	1.500	1.500		
8	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 6/4/2022; Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	9.660	9.660	9.660		
9	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh	Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	3.000	3.000	2.944		
10	Dự án cải tạo sửa chữa trụ sở HĐND - UBND tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 26/9/2023; Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	14.975	14.975	9.150		
11	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 4 tầng Hội LHPN tỉnh; Nhà làm việc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể; Nhà làm việc 3 tầng + hàng rào, cải tạo nhà để xe làm phòng làm việc Liên minh HTX tỉnh	Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	5.387	5.387	4.287		
12	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bắc Kạn (cơ sở 2) thành trụ sở làm việc Sở GD&ĐT; hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trường THPT Ba Bể và trường THPT Ngân Sơn	Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 18/10/2023; Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 20/3/2024	14.812	8.522	7.682		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
13	Cải tạo, sửa chữa và hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trụ sở Sở Công Thương tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 16/02/2023; Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	3.197	3.197	1.297		
14	Cải tạo, sửa chữa và hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 10/02/2023; Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	4.957	4.957	4.957		
15	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ, hoàn thiện hệ thống PCCC của Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị trực thuộc	Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 13/02/2022; Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	3.583	3.381	1.962		
16	Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu thể dục thể thao đa năng; sửa chữa, nâng cấp trụ sở, hoàn thiện hệ thống PCCC trụ sở Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 04/4/2023; Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	9.741	9.741	4.671		
17	Cải tạo, sửa chữa, hoàn thiện hệ thống PCCC trụ sở Thanh tra tỉnh	Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 04/4/2023; Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	7.378	7.378	5.072		
18	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc một số cơ quan: Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; Đảng uỷ các cơ quan tỉnh; Tỉnh đoàn; Báo Bắc Kạn	Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	13.700	13.700	9.038		
19	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Tỉnh ủy Bắc Kạn	Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	47.000	47.000	31.800		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
20	Sửa chữa một số hạng mục nhà khách (khu A), nhà công vụ và trụ sở Tỉnh ủy	Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	1.059	1.059	1.059		
XVII	Thương mại		10.800	5.000	5.000		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		10.800	5.000	5.000		
1	Sửa chữa, mở rộng chợ Pác Nặm (hỗ trợ địa phương)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/12/2023; Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	10.800	5.000	5.000		
XVIII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		4.474.188	1.480.228	1.244.336		
1	Trả nợ gốc các dự án ODA		90.000	90.000	90.000		
2	Đối ứng dự án ODA		3.451.488	457.528	221.636		
3	Đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia		283.009	283.009	283.009		
4	Bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ, hỗ trợ chính sách tín dụng		31.368	31.368	31.368		
5	Phân cấp cho các địa phương		618.323	618.323	618.323		
A2	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)		4.865.651	1.245.681	750.483	0	
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		60.000	60.000	28.319	0	
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		60.000	60.000	28.319		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP			Thanh toán nợ đọng XDCB
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2025	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	60.000	60.000	28.319		
II	Thể dục, thể thao		260.000	140.000	5.000		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		260.000	140.000	5.000		
1	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	260.000	140.000	5.000		
III	Y tế, dân số và gia đình		137.969	77.999	2.537		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		137.969	77.999	2.537		
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	137.969	77.999	2.537		
IV	Giao thông		3.717.809	277.809	40.000		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		3.717.809	277.809	40.000		
1	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn – Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 ; Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	3.717.809	277.809	40.000		
V	Công nghiệp		57.930	57.930	42.684		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		57.930	57.930	42.684		
1	Hoàn thiện mặt bằng phần diện tích còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 10/3/2023	57.930	57.930	42.684		
VI	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		631.943	631.943	631.943		
1	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường		9.952	9.952	9.952		
2	Phân cấp cho các địa phương		621.991	621.991	621.991		
A3	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN THUÊ ĐẤT CÓ SƠ SỞ HẠ TẦNG NỘP TRẢ MỘT LẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN SỬ DỤNG ĐẤT		0	0	0		
A4	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT		152.173	147.173	96.209	0	
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Thượng Giáo, huyện Ba Bể	Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 6/9/2021; Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	3.000	3.000	2.769		
2	Trường Mầm non Yên Dương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	7.000	7.000	7.000		
3	Trường Mầm non Sỹ Bình, huyện Bạch Thông	Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 19/11/2021; Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	8.758	8.758	8.758		
4	Trường Mầm non Vi Hương, huyện Bạch Thông	Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	9.000	9.000	1.629		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
5	Trường Tiểu học Phương Viên, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 06/9/2021; Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	14.502	14.502	11.105		
6	Trường THCS Quảng Chu, huyện Chợ Mới	Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	8.780	8.780	6.363		
7	Trường TH&THCS Văn Minh, huyện Na Rì	Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	5.400	5.400	5.153		
8	Trường TH&THCS Lam Sơn, huyện Na Rì	Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	6.000	6.000	2.261		
9	Trường Tiểu học Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	12.438	12.438	7.159		
10	Trường Mầm non Nhạn Môn, huyện Pác Nặm	Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 20/02/2023	14.910	14.910	4.404		
11	Trường Tiểu học Công Bằng (Hạng mục: Các phòng học bộ môn)	Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	2.000	2.000	1.875		
12	Trường Mầm non Dương Quang, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	24.175	24.175	13.951		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
13	Dự án Xây dựng mới trường Mầm non Hà Hiệu	Quyết định số 1251/QĐ-UBND 07/7/2023	14.500	14.500	8.300		
14	Trường TH&THCS Nam Cường, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	13.000	8.000	8.000		
15	Trường THPT Phú Thông, huyện Bạch Thông	Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	8.109	8.109	6.881		
16	Dự phòng chưa phân bổ		601	601	601		
A5	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		55.060	55.060	55.060		
B	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI, CÁC NGUỒN VỐN KHÁC ĐƯỢC BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		5.035.119	2.364.635	1.130.962		
B1	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI		3.382.289	1.264.581	498.558		
I	Giao thông		1.089.279	438.193	161.239		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		1.082.291	431.705	160.239		
1	Xây dựng công trình vượt dòng phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt bão, đảm bảo giao thông trên tuyến đường ĐT 258B đoạn tuyến Km 36+00-Km 65+450	Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	92.600	84.500	5.000		
2	Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 năm 2021 trên tuyến ĐT.254, tỉnh Bắc Kạn (do ảnh hưởng các đợt mưa lũ từ ngày 20/7/2021 đến ngày 15/8/2021)	Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	19.337	4.331	4.331		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
3	Sửa chữa, nâng cấp công trình vượt dòng phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông đường tràn Km13+900 ĐT251 tại xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 3/7/2024	10.500	10.500	8.204		
4	Sửa chữa, nâng cấp công trình vượt dòng phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông đường tràn Km 1+200 ĐT.254B tại xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1601/Đ-UBND ngày 16/9/2024	12.000	12.000	4.500		
5	Đường nội thị thị trấn Phú Thông, huyện Bạch Thông	Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	123.800	25.320	19.000		
6	Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê Khang Ninh	Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	494.000	55.000	55.000		
7	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông trên 15 tuyến đường tỉnh, tỉnh Bắc Kạn do ảnh hưởng của các đợt mưa, lũ từ ngày 17/4/2024 đến ngày 20/6/2024	Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	3.714	3.714	3.048		
8	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông trên 15 tuyến đường tỉnh, tỉnh Bắc Kạn do ảnh hưởng của các đợt mưa, lũ và cơn bão số 3 từ ngày 16/8/2024 đến ngày 13/9/2024	Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 19/06/2025	18.288	18.288	13.788		
9	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông trên 15 tuyến đường tỉnh, tỉnh Bắc Kạn do ảnh hưởng của các đợt mưa, lũ từ ngày 26/6/2024 đến ngày 15/8/2024	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 03/6/2025	6.270	6.270	6.270		
10	Đường vào hồ Nặm Cát, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 28/10/2022; Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	226.000	136.000	15.806		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
11	Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL3 - cầu Phiêng My, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn (Đoạn Km0+00-Km1+450)	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	75.782	75.782	25.292		
b)	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		6.988	6.488	1.000		
1	Dự án cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	6.488	5.988	500		
2	Xây dựng tuyến đường kết nối cao tốc (CT.07) vào thành phố Bắc Kạn		500	500	500		
II	Quy hoạch		21.360	9.000	9.000		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		21.360	9.000	9.000		
1	Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31/3/2023; Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	21.360	9.000	9.000		
III	Nông, lâm nghiệp		1.036.787	166.075	49.042		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		351.645	90.065	48.542		
1	Công trình sửa chữa hồ đập Khuổi Cuộn, xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	6.374	6.374	4.376		
2	Dự án đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 21/8/2023; Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	224.551	24.551	24.551		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ động XDCB	
3	Hỗ trợ kết cấu hạ tầng các Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	31.580	30.000	5.368		
4	Sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi năm 2024	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	10.890	10.890	10.890		
5	Kè khắc phục sạt lở bờ sông Chu, sông Cầu đoạn qua thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 28/3/2024; Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	63.300	3.300	3.300		
6	Công trình Kè chống sạt lở sông Lèng, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể	Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	14.950	14.950	57		
b)	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		685.142	76.010	500		
1	Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 19/4/2024	685.142	76.010	500		
IV	Công nghiệp		97.108	97.108	33.028		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		97.108	97.108	33.028		
1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	24.678	24.678	24.678		
2	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn năm 2024	Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 11/6/2024; Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 24/8/2024	14.500	14.500	7.250		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
3	Hoàn thiện mặt bằng phần diện tích còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	57.930	57.930	1.100		
V	Văn hoá		22.600	1.600	1.600		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		22.600	1.600	1.600		
1	Cải tạo, sửa chữa Bảo tàng tỉnh	Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	2.500	1.500	1.500		
2	Dự án Phục dựng, tôn tạo di tích lịch sử Đồn Phú Thông	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	20.100	100	100		
VI	Giáo dục và Đào tạo		378.896	108.575	76.965		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		378.896	108.575	76.965		
1	Dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trường học trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 27/12/2021; Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	350.321	80.000	72.797		
2	Trường Mầm non Dương Quang, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	24.175	24.175	1.164		
3	Trường Mầm non thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 24/12/2024; Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	4.400	4.400	3.004		
VII	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		84.126	84.126	15.327		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		84.126	84.126	15.327		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024 - 2025	Quyết định số 94/QĐ- UBND ngày 25/3/2024	13.000	13.000	6.000		
2	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2025	Quyết định số 887/QĐ- UBND ngày 24/5/2023	60.000	60.000	8.701		
3	Trụ sở làm việc Công an xã Nông Thượng	Quyết định số 95/QĐ- UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 188/QĐ- UBND ngày 15/7/2024	4.680	4.680	380		
4	Trụ sở làm việc Công an phường Xuất Hoá	Quyết định số 96/QĐ- UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 189/QĐ- UBND ngày 15/7/2024	6.446	6.446	246		
VIII	Quốc phòng		27.028	22.320	14.503		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		27.028	22.320	14.503		
1	Cấp nước sinh hoạt cho Trung đoàn 750 (cơ sở 1), Bộ CHQS tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 478/QĐ- UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1201/QĐ- UBND ngày 09/7/2024	2.514	2.514	2.514		
2	Khắc phục thiệt hại do mưa lũ gây ra trên các tuyến đường CT229 huyện Bạch Thông đi vào khu vực phòng thủ của tỉnh và các tuyến đường do Bộ Chỉ huy quân sự quản lý.	Nghị quyết số 10/NQ- HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 887/QĐ- UBND ngày 24/5/2023	7.000	7.000	7.000		
3	Cải tạo, nâng cấp doanh trại cơ quan Bộ CHQS tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 357/QĐ- UBND ngày 06/12/2024	11.387	11.387	3.570		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
4	Mở rộng công trình S1	Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	6.127	1.419	1.419		
IX	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước		126.636	119.422	40.703		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		126.636	119.422	40.703		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 24/01/2024; Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	13.400	6.700	6.700		
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Quỹ phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường	Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	1.812	1.500	1.500		
3	Dự án cải tạo sửa chữa trụ sở HĐND - UBND tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 26/9/2023; Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	14.975	14.975	5.100		
4	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Tỉnh ủy Bắc Kạn	Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	47.000	47.000	15.100		
5	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 4 tầng Hội LHPN tỉnh; Nhà làm việc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể; Nhà làm việc 3 tầng + hàng rào, cải tạo nhà để xe làm phòng làm việc Liên minh HTX tỉnh	Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	5.387	5.387	1.100		
6	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ, hoàn thiện hệ thống PCCC của Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị trực thuộc	Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	3.583	3.381	1.100		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
7	Cải tạo, sửa chữa, hoàn thiện hệ thống PCCC trụ sở Thanh tra tỉnh	Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	7.378	7.378	2.000		
8	Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu thể dục thể thao đa năng; sửa chữa, nâng cấp trụ sở, hoàn thiện hệ thống PCCC trụ sở Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	9.741	9.741	3.400		
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 6/4/2022; Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	9.660	9.660	41		
10	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc một số cơ quan: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Đảng uỷ Các cơ quan tỉnh; Tỉnh đoàn; Báo Bắc Kạn	Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	13.700	13.700	4.662		
X	Thể dục, thể thao		260.000	140.000	20.956		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		260.000	140.000	20.956		
1	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	260.000	140.000	20.956		
XI	Y tế, dân số và gia đình		238.469	78.162	9.318		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		238.469	78.162	9.318		
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	137.969	77.999	9.155		
2	Đầu tư nâng cấp, cải tạo 03 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 24/3/2023; Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 05/01/2024	82.349	102	102		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
3	Đầu tư xây dựng 04 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 24/3/2023; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 05/01/2024	18.151	61	61		
XII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		0	0	66.800		
1	Phân cấp cho các địa phương				66.800		
XIII	Chưa phân bổ chi tiết				77		
B2	VỐN ĐẦU TƯ KHÁC		1.048.051	533.081	95.394		
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		60.000	60.000	7.614		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		60.000	60.000	7.614		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2025	Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	60.000	60.000	7.614		
II	Thể dục, thể thao		260.000	140.000	23.333		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		260.000	140.000	23.333		
1	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	260.000	140.000	23.333		
III	Y tế, dân số và gia đình		137.969	77.999	34.289		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		137.969	77.999	34.289		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCH	
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	137.969	77.999	34.289		
IV	Giao thông		590.082	255.082	30.158		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		590.082	255.082	30.158		
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 26/12/2024; Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 2/4/2025	172.000	8.000	8.000		
2	Đường nội thị, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	116.300	35.300	2.693		
3	Đường vào Hồ Nặm Cắt, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 28/10/2022; Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	226.000	136.000	12.818		
4	Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL3 - cầu Phiêng My, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn (Đoạn Km0+00-Km1+450)	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	75.782	75.782	6.647		
B3	VỐN TỈNH BỔ SUNG VÀO TRUNG HẠN (Từ nguồn dự phòng NSTW hỗ trợ)		604.779	566.973	537.010		
I	Nông, lâm nghiệp		565.685	536.973	507.010		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		565.685	536.973	507.010		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	Xây dựng công trình vượt dòng phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt bão, đảm bảo giao thông trên tuyến đường ĐT 258B đoạn tuyến Km 36+00-Km 65+450	Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	92.600	84.500	69.500		
2	Khắc phục sạt lở khu dân cư Chùa Phố Cũ, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	14.500	14.500	13.080		
3	Xử lý sạt đường huyện ĐH.21, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	6.500	6.000	6.000		
4	Kè chống sồi lở cánh đồng Nà Tầu, xã Yên Phong, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	3.000	3.000	2.520		
5	Kè chống sạt lở bờ Sông Cầu đoạn qua tổ 2, thị trấn Chợ Mới	Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	14.963	14.963	2.050		
6	Khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo giao thông bước 1 năm 2021 trên tuyến ĐT 254 tỉnh Bắc Kạn do ảnh hưởng của các đợt mưa lũ từ ngày 20/7/2021 đến ngày 15/8/2021	Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	19.337	15.000	15.000		
7	Xây dựng hạ tầng vùng dân cư đặc biệt khó khăn, có nguy cơ sạt lở cao thôn Bản Cháo, Xã Yên Cư, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.	Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 29/3/2021; Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	11.545	10.583	10.583		
8	Xử lý sạt lở đường liên xã Cao Kỳ - Thanh Vận, huyện Chợ Mới	Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 29/3/2021; Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 8/12/2021	8.730	7.417	7.417		
9	Sửa chữa cải tạo và thay thế một số hạng mục có nguy cơ mất an toàn trường PTDT nội trú tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	10.000	10.000	9.850		
10	Kè khắc phục sạt lở bờ sông Bắc Giang đoạn qua trường THCS Nội trú và trường THCS Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.	Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	14.900	14.000	14.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
11	Công trình Kè chống xói lở thôn Bàn Tụn, xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 20/7/2023	25.050	25.050	25.050		
12	Công trình Kè chống sạt lở sông Lềng, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể	Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	14.950	14.950	14.950		
13	Khắc phục thiên tai đối với khu vực sạt lở đất tại Tổ 1, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới.	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28/3/2024	25.200	22.200	22.200		
14	Kè khắc phục sạt lở bờ suối khu vực Nà Chôm - Quan Nưa, xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn.	Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 13/3/2024	14.800	14.800	14.800		
15	Kè khắc phục sạt lở bờ sông Chu, sông Cầu đoạn qua thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới.	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 28/3/2024	63.300	60.000	60.000		
16	Kè khắc phục sạt lở khu dân cư Thôn Chi Quảng B - Thị trấn Phú Thông và bờ suối Bàn Lạnh - xã Tân Tú, huyện Bạch Thông.	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28/3/2024	23.000	23.000	23.000		
17	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai cấp bách thôn Khuổi Luông, xã Khang Ninh, huyện Ba Bể	Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 25/3/2025	48.600	45.000	45.000		
18	Dự án bố trí dân cư tập trung thôn Khuổi Slun, xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể	Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	27.700	25.000	25.000		
19	Dự án bố trí dân cư tập trung thiên tai cấp bách các thôn Nà Áng, Nà Pha, thôn Nà Dầu, xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	21.290	21.290	21.290		
20	Dự án bố trí dân cư tập trung thiên tai cấp bách thôn Bàn Khắt, xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	26.000	26.000	26.000		
21	Sửa chữa Hồ Nặm Cát, xã Dương Quang, Thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	9.000	9.000	9.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XD CB
22	Sửa chữa Hồ Thôm Sâu, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	6.720	6.720	6.720		
23	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Nà Đon, xã Thanh Vân, huyện Chợ Mới	Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	5.000	5.000	5.000		
24	Sửa chữa Hồ Khuổi Dú, xã Dương Sơn, huyện Na Rì	Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	6.000	6.000	6.000		
25	Dự án Kè sông Tà Pin - sông Bắc Giang, Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì	Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	13.000	13.000	13.000		
26	Dự án Xây kè bờ sông Cầu đoạn qua xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	14.000	14.000	14.000		
27	Dự án Kè Bán Chang thôn Nà Bjoóc, Xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	8.000	8.000	8.000		
28	Dự án Kè chống xói lở bờ sông đoạn qua thôn Nà Cù, xã Cẩm Giàng và đoạn qua thôn Thôm Mò, xã Quân Hà, huyện Bạch Thông	Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	10.000	10.000	10.000		
29	Dự án kè bờ sông Cầu đoạn thượng lưu cầu sắt Quan Nưa, xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	8.000	8.000	8.000		
II	Văn hoá		39.094	30.000	30.000		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		39.094	30.000	30.000		
1	Lập nhiệm vụ quy hoạch tu bổ tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn	Văn bản số 7154/UBND-VX ngày 01/12/2020	7.683	6.000	6.000		
2	Quy hoạch di tích danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt hồ Ba Bể và vùng lân cận	Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	31.411	24.000	24.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
C	ĐIỀU CHỈNH TỪ CẤP HUYỆN VỀ CẤP TỈNH		1.335.574	977.274	176.796		
1	Quỹ hỗ trợ nông dân huyện Na Rì		250	250	250		
2	Quỹ hội nông dân huyện Ngân Sơn		300	300	300		
3	Quỹ hỗ trợ Hội nông dân cấp huyện Ba Bể		750	750	750		
4	Quỹ hội nông dân huyện Chợ Đồn		300	300	300		
5	Xây mới, cải tạo một số hạng mục cơ sở vật chất tại Trung tâm y tế huyện Bạch Thông	Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 14/12/2023; Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 16/09/2024	6.700	6.700	6.700		
6	Công trình quốc phòng	Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	4.659	4.659	4.659		
7	Xây dựng công trình chiến đấu trong khu căn cứ phòng thủ huyện Chợ Mới	Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	6.999	6.999	6.495		
8	Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	685.142	685.142	20.000		
9	Đường vào hồ Nặm Cát, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 28/02/2022	226.000	104.000	104.000		
10	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	260.000	140.000	5.168		
11	Xây dựng các phòng chức năng trường TH&THCS Cao Sơn	Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	5.474	5.474	5.474		
12	Xây dựng hệ thống điện vào khu dân cư Khuổi Đeng, thôn Nà Khoang	Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 16/09/2024	3.000	3.000	3.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
13	Đối ứng thực hiện dự án Tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử Nà Pấu, xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	26.000	4.700	4.700		
14	Xây dựng đường giao thông nội thị Vân tùng, huyện Ngân Sơn	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	110.000	15.000	15.000		

PHỤ LỤC IV

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TIẾP NHẬN TỪ TỈNH BẮC KẠN, TỈNH THÁI NGUYÊN TRƯỚC SẮP XẾP VÀO TỈNH THÁI NGUYÊN SAU SẮP XẾP**

(Kèm theo Nghị quyết số 60 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Thái Nguyên trước sắp xếp		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp		Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó	Tổng cộng	Trong đó	Tổng cộng	Trong đó	
			Thanh toán nợ động XDCB		Thanh toán nợ động XDCB		Thanh toán nợ động XDCB	
1	2	3	4	5	6	7=3+5	8=4+6	9
	TỔNG SỐ	2.930.828	0	1.208.745	0	4.139.573	0	
*	VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2025 (A+B+C)	2.779.787	0	1.182.029	0	3.961.816	0	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI	2.415.354	0	585.765	0	3.001.119	0	
A1	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG	821.701		443.280	0	1.264.981	0	
A2	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)	1.566.000		116.485	0	1.682.485	0	
A3	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN THUẾ ĐẤT CÓ SƠ SỞ HẠ TẦNG NỘP TRẢ MỘT LẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN SỬ DỤNG ĐẤT	0		0		0		
A4	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT	27.653		20.000	0	47.653	0	
A5	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			6.000		6.000	0	
B	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI, CÁC NGUỒN VỐN KHÁC ĐƯỢC BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	0	0	480.729	0	480.729	0	
B1	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI			188.325		188.325	0	
B2	VỐN ĐẦU TƯ KHÁC			95.394	0	95.394	0	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Thái Nguyên trước sắp xếp		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp		Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó	Tổng cộng	Trong đó	Tổng cộng	Trong đó	
			Thanh toán nợ động XDCB		Thanh toán nợ động XDCB		Thanh toán nợ động XDCB	
B3	VỐN TÌNH BỔ SUNG VÀO TRUNG HẠN (Từ nguồn dự phòng NSTW hỗ trợ)			197.010	0	197.010	0	
C	KH VỐN TỪ CẤP HUYỆN VỀ CẤP TỈNH	364.433		115.535		479.968		
**	VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2024 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025	151.041	0	26.716	0	177.757	0	

PHỤ LỤC V
CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TIẾP NHẬN TỪ TÌNH THÁI NGUYÊN TRƯỚC SẮP XẾP VÀO TÌNH THÁI NGUYÊN SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Nghị quyết số 60 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XD CB	
	TỔNG SỐ		27.701.470	16.231.124	2.779.788	0	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI		25.029.107	14.416.642	2.415.355	0	
A1	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG		10.358.314	5.742.660	821.701	0	
I	Quốc phòng		74.713	77.713	3.717	0	
a)	Dự án hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2025		34.713	37.713	2.654	0	
1	Xây dựng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã năm 2020	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	14.713	17.713	75		
2	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 25/4/2022	20.000	20.000	2.579		
b)	Dự án khởi công mới năm 2025		40.000	40.000	1.063		
1	Xây dựng 16 Trụ sở Ban CHQS cấp xã năm 2025	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 31/10/2024	40.000	40.000	1.063		
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		352.457	330.679	53.241		
a)	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025		352.457	330.679	53.241		
1	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	352.457	330.679	53.241		
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		171.071	144.726	40.039		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
a)	Dự án hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2025		171.071	144.726	40.039		
1	Xây dựng Trường THPT Lý Nam Đế, thị xã Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên)	Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	103.131	76.786	22.567		
2	Xây dựng Nhà lớp học 16 phòng, Nhà hiệu bộ trường THPT Lương Ngọc Quyến	Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	29.850	29.850	7.779		
3	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Thái Nguyên (Xây dựng Nhà KTX, nhà ăn, nhà đa năng)	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2022; Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	30.000	30.000	7.303		
4	Xây dựng Nhà đa năng, nhà lớp học 6 phòng Trường THPT Hoàng Quốc Việt	Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	8.090	8.090	2.390		
IV	Y tế, dân số và gia đình		305.654	220.863	50.639		
a)	Dự án hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2025		305.654	220.863	50.639		
1	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn I)	Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 31/3/2021; Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 29/9/2023; Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	266.725	185.000	34.021		
2	Đầu tư xây dựng 3 trạm y tế xã: La Hiền huyện Võ Nhai; Nhã Lộng, Tân Hòa, huyện Phú Bình	Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 14/7/2022; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	13.863	13.863	3.850		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
3	Khoa khám chữa bệnh, Bệnh viện Mắt Thái Nguyên	Quyết định 1666/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	25.066	22.000	12.768		
V	Văn hóa, thông tin		140.199	140.199	56.920		
a)	Dự án hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2025		71.087	71.087	2.376		
1	Quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	71.087	71.087	2.376		
b)	Dự án khởi công mới năm 2025		69.112	69.112	54.544		
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 06/9/2024	69.112	69.112	54.544		
VI	Thể dục, thể thao		39.981	39.981	2.000		
a)	Dự án hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2025		39.981	39.981	2.000		
1	Sửa chữa, cải tạo Nhà thi đấu thể thao Thái Nguyên	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	39.981	39.981	2.000		
VII	Các hoạt động kinh tế		9.070.392	4.707.194	361.290		
VII.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		1.162.584	288.497	85.502		
a)	Dự án hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2025		241.406	79.765	6.201		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 4122/QĐ-BNN-TCTL ngày 30/10/2019	80.000	15.000	2.794		
2	Khu nuôi nhốt cách ly, kiểm dịch động vật	Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	14.165	7.165	2.356		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
3	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chã, huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu tường ứng cứu đến K3+100)	Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	147.241	57.600	1.051		
b)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		921.178	208.732	79.301		
1	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1395/TTg-QHQT ngày 13/10/2020; Quyết định số 983/QĐ-TTg ngày 16/8/2022	921.178	208.732	79.301		
VII.2	Giao thông		5.060.372	1.704.968	36.908		
a)	Dự án hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2025		4.224.000	868.596	18.825		
1	Đường giao thông xóm Khe Cái - Suối Khê, xã Vũ Chấn đi xóm Na Hấu, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	20.000	20.000	8.300		
2	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 20/12/2022; Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	4.204.000	848.596	10.525		
b)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		836.372	836.372	18.083		
1	Dự án đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/4/2024; Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	137.908	137.908	8.608		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	Nghị quyết số 193/NQHDND ngày 10/12/2021; Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 20/7/2023; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 26/4/2024; Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	698.464	698.464	9.475		
VII.3	Khu công nghiệp		2.347.152	2.347.152	179.847		
1	Xây dựng Khu công nghiệp Sông Công II - diện tích 250ha, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 23/3/2017; Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	2.347.152	2.347.152	179.847		
VII.4	Cấp nước, thoát nước		165.752	32.045	5.291		
a)	Dự án hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2025		165.752	32.045	5.291		
1	Dự án Cấp nước thị xã Sông Công	Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 18/11/2016	165.752	32.045	5.291		
VII.5	Hỗ trợ thực hiện chính sách và bổ sung các quỹ ngoài ngân sách; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn		125.000	125.000	2.000		
1	Hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/NĐ-CP; Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên		125.000	125.000	2.000		
VII.6	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước		209.532	209.532	51.742		
a)	Dự án hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2025		15.109	15.109	4.028		
1	Đầu tư xây dựng nhà làm việc Hạt kiểm lâm Phú Bình	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	2.869	2.869	241		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
2	Xây dựng Trụ sở Hạt kiểm lâm Đại Từ	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	12.240	12.240	3.787		
b)	Dự án khởi công mới năm 2025		194.423	194.423	47.714		
1	Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 06/9/2024	194.423	194.423	47.714		
VIII	Xã hội		58.036	15.134	353		
a)	Dự án hoàn thành chuyển tiếp sang năm 2025		58.036	15.134	353		
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	58.036	15.134	353		
IX	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		145.811	66.171	253.502		
IX.1	Hỗ trợ các địa phương xây dựng nông thôn mới				25.000		
IX.2	Các nhiệm vụ, dự án khác				46.268		
1	Đổi ứng dự án ODA				10.005		
2	Nhiệm vụ, dự án				9.480		
2.1	Chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030				9.480		
-	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang (đoạn từ Km11+500 ĐT261 đến giáp ranh địa phận tỉnh Tuyên Quang)	Quyết định số 58/QĐ-SXD ngày 12/03/2025			3.900		
-	Đường Hồ Núi Cốc	Quyết định số 54/QĐ-SXD ngày 10/03/2025			5.000		
-	Đầu tư xây dựng Trường Chính trị tỉnh	Quyết định số 62/QĐ- DADD&CN ngày 15/08/2025			580		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
2.2	Nhiệm vụ, dự án khác				0		
3	Nhiệm vụ, dự án khác				26.783		
IX.3	Vốn xây dựng cơ bản tập trung (phân cấp cho cấp huyện) và đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia		145.811	66.171	182.234		
a)	Phân cấp cho các địa phương				148.710		
b)	Đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia		145.811	66.171	33.524		
1	Đối ứng ngân sách tỉnh cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo		13.808	1.801	597		
*	Dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4)						
-	Dự án hỗ trợ việc làm bền vững (Tiểu dự án 3)		13.808	1.801	597		
	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kỹ thuật thông tin để hiện đại hóa thông tin thị trường lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	13.808	1.801	597		
2	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh hỗ trợ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025		132.003	64.370	32.927		
2.1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		40.989	5.349	1.861		
-	Dự án 6:		40.989	5.349	1.861		
+	Tu bổ di tích Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc tại Đồi Tìn Keo xã Phú Đình, huyện Định Hoá (1948 - 1954)	Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	3.264	426	10		
+	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Tày, xóm Bản Đông, xã Ôn Lương, huyện Phú Lương	Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	9.000	1.175	5		
+	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tù Chợ Chu, thị trấn chợ Chu, huyện Định Hoá	Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	22.000	2.871	969		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
+	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.	Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 16/6/2025	6.725	877	877		
2.2	Liên minh hợp tác xã		1.018	46	45		
-	Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 29/9/2023	1.018	46	45		
2.3	Hỗ trợ các địa phương		89.996	58.975	31.021		
A2	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)		13.598.358	7.601.547	1.566.000		
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		460.598	430.259	62.756		
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025		108.141	99.580	15.891		
1	Dự án Trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 31/3/2022; Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	108.141	99.580	15.891		
b)	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025		352.457	330.679	46.865		
1	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	352.457	330.679	46.865		
II	Y tế, dân số và gia đình		266.725	185.000	13.536		
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025		266.725	185.000	13.536		
1	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn I)	Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 31/3/2021; Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 29/9/2023; Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	266.725	185.000	13.536		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
III	Văn hóa		40.000	30.000	6.214		
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025		40.000	30.000	6.214		
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà trường niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, (ATK Định Hóa), xã Phú Đình, huyện Định Hóa	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 16/6/2022; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	40.000	30.000	6.214		
IV	Thể dục, thể thao		960.114	699.114	178.314		
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025		535.992	335.992	62.472		
1	Xây dựng Sân vận động tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	535.992	335.992	62.472		
b)	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025		424.122	363.122	115.842		
1	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao (nay là Trung tâm huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao) và Trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	313.122	313.122	98.492		
2	Xây dựng Sân vận động huyện Đại Từ (giai đoạn 1)	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	111.000	50.000	17.350		
V	Các hoạt động kinh tế		11.019.789	5.406.041	1.151.195		
V.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		858.330	458.731	100.972		
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025		858.330	458.731	100.972		
1	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	414.599	15.000	4.245		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XD CB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
2	Cải tạo nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	150.000	150.000	29.148		
3	Dự án Bố trí ổn định dân cư tại chỗ vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở và lũ ống, lũ quét thuộc 06 xã: Na Mao, Đức Lương, Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Tân Linh và Kỳ Phú, huyện Đại Từ	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	20.000	20.000	12.500		
4	Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/6/2022; Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	108.438	108.438	31.938		
5	Dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn Hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước	Quyết định số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023; Quyết định số 2603/QĐ-BNN-TL ngày 29/6/2023	165.293	165.293	23.141		
V.2	Giao thông		10.038.459	4.911.831	1.035.885		
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025		5.967.369	2.266.141	408.466		
1	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 20/12/2022; Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	4.204.000	848.596	119.241		
2	Đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (Đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 19/11/2021; Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	699.358	353.534	65.000		
3	Đường nối Quốc lộ 3 mới (Hà Nội- Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình đoạn từ KM3+516,9 đến Km5+434,18 và ĐT261- giai đoạn II	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	82.282	82.282	94		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
4	Nâng cấp, mở rộng đường Gom đoạn từ nút giao Yên Bình đến Khu công nghiệp Yên Bình (Km0-Km2+100)	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	60.500	60.500	117		
5	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 20/7/2023; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	698.464	698.464	188.311		
6	Tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 và đường tỉnh ĐT269B, tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 17/02/2023	222.765	222.765	35.703		
b)	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025		4.071.090	2.645.690	627.419		
7	Xây dựng Cầu An Long và Đường kết nối tỉnh lộ ĐT.270 với tỉnh lộ ĐT.261 huyện Đại Từ	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	350.000	150.000	24.291		
8	Cầu Quang Vinh 1, Quang Vinh 2 và hệ thống đường giao thông kết nối phường Đồng Bầm, phường Quang Vinh và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 09/11/2021; Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	1.528.400	373.000	67.460		
9	Đường vành đai I (Đoạn Bờ Đậu Phú Lương- Hóa Thượng Đồng Hỷ)	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	972.529	972.529	127.068		
10	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh)	Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	302.010	232.010	72.000		
11	Đường kết nối ĐT.265 (xã Bình Long, huyện Võ Nhai) đi Bắc Giang	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	291.055	291.055	107.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
12	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	489.188	489.188	181.300		
13	Dự án đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	137.908	137.908	48.300		
V.3	Du lịch		123.000	35.479	14.338		
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025		123.000	35.479	14.338		
1	Đường du lịch ven hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc - Nam (3km đường + xây mới 2 cầu)	Quyết định số 2973a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 8/11/2017; Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	123.000	35.479	14.338		
VI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		790.876	790.876	97.740		
a)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025		596.453	596.453	85.613		
1	Trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh và một số cơ quan	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	90.000	90.000	368		
2	Trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các chi cục trực thuộc	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	64.453	64.453	21.752		
3	Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	405.000	405.000	61.843		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
4	Xây dựng mới Nhà làm việc, nhà hội trường 250 chỗ của Sở Y tế và Chi cục dân số Kế hoạch hóa gia đình	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	37.000	37.000	1.650		
b)	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025		194.423	194.423	12.127		
1	Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 06/9/2024	194.423	194.423	12.127		
VII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		60.257	60.257	56.245		
VII.1	Dự án hoàn trả vốn vay, ứng từ các quỹ (*)		60.257	60.257	890		
1	Xây dựng hạ tầng khu đô thị số 4 thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	Quyết định số 3369/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	60.257	60.257	890		
VII.2	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới				47.555		
VII.3	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				7.800		
1	Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc	Quyết định số 493/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			170		
2	Xây dựng đường giao thông kết nối ĐT 270 với đường Cù Vân - Tân Thái (đoạn từ ngã ba Gốc Mít đến đường giao thông khu dân cư xóm Bãi Bằng)	Quyết định số 491/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			80		
3	Tuyến đường kết nối từ ĐT.267 đến ĐT 262	Quyết định số 492/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			50		
4	Tuyến kết nối phía Tây Nam Khu công nghiệp Yên Bình 3 với đường 47m	Quyết định số 474/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			160		
5	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh ĐT.270 đoạn từ Km8+090 - Km14+100 (ngã ba Cao Tráng vào khu du lịch Hồ Núi Cốc)	Quyết định số 476/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			160		
6	Cầu tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.261 đoạn từ Km22+500 đến Km38+00, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 475/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			120		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó Thanh toán nợ đọng XDCB	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			
7	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh ĐT.266	Quyết định số 490/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			50		
8	Xây dựng tuyến đường kết nối vào cao tốc (CT.07) vào phường Bắc Kạn	Quyết định số 383/QĐ- BQLDA ngày 29/7/2025			200		
9	Xây dựng các công trình vượt dòng tại các vị trí ngầm, tràn trên các tuyến đường tỉnh lộ khu vực phía bắc tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 36/QĐ- BQLDA ngày 29/7/2025			200		
10	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 17	Quyết định số 488/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			190		
11	Xây dựng đường gom, đường kết nối với CT.07	Quyết định số 37/QĐ- BQLDA ngày 29/7/2025			200		
12	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 270 (đoạn từ nút giao Quang Trung - nút giao Tổ Hữu)	Quyết định số 489/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			50		
13	Đường vành đai 5 - Hà Nội (đoạn từ cao tốc CT.07 - ĐT 261)	Quyết định số 487/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			900		
14	Hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 494/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			1.470		
15	Cải tạo, nâng cấp bờ kênh kết hợp làm đường giao thông tuyến kênh chính hồ Núi Cốc đoạn ĐT 267 - ĐT 266	Quyết định số 469/QĐ- BQLDAGTNN ngày 29/7/2025			200		
16	Xây dựng mới nhà hợp khối, khám chữa bệnh và một số khoa lâm sàng, cận lâm sàng; hệ thống nhà Cầu; mua sắm thiết bị y tế - Bệnh viện C	Quyết định số 52/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
17	Xây dựng mới nhà hợp khối, khám chữa bệnh và một số khoa lâm sàng, cận lâm sàng; hệ thống nhà Cầu; mua sắm thiết bị y tế - Bệnh viện phục hồi chức năng	Quyết định số 53/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
18	Xây mới nhà điều trị nội trú; hệ thống nhà cầu; mua sắm thiết bị y tế - bệnh viện Gang Thép	Quyết định số 54/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
19	Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 60/QĐ- KH&CN ngày 29/7/2025			200		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
20	Trường PTDTNT THPT số 3 Thái Nguyên	Quyết định số 46/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
21	Trường PTDTNT THPT số 5 Thái Nguyên	Quyết định số 47/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
22	Trường PTDTNT THPT số 2 Thái Nguyên	Quyết định số 49/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
23	Trường THPT Dương Tự Minh	Quyết định số 50/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
24	Trường THCS Phan Đình Phùng	Quyết định số 51/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
25	Xây dựng Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 40/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
26	Xây dựng thư viện tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 41/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
27	Cải tạo căn cứ chiến đấu 1, xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 154/QĐ-BCH ngày 29/7/2025			200		
28	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa căn cứ hậu phương xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 155/QĐ-BCH ngày 29/7/2025			200		
29	Xây dựng, cải tạo 40 trụ sở Ban CHQS xã, phường tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 60/QĐ-BCH ngày 29/7/2025			200		
30	Xây mới các trụ sở làm việc công an cấp xã	Quyết định số 394/QĐ- CAT-PHC ngày 29/7/2025			200		
31	Mở rộng, cải tạo khuôn viên và nhà C - Trụ sở Tỉnh ủy Thái Nguyên	Quyết định số 42/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
32	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 43/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
33	Trụ sở và trung tâm sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình của Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên	Quyết định số 44/QĐ- DADD&CN ngày 29/7/2025			200		
A3	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN THUÊ ĐẤT CÓ SƠ SỞ HẠ TẦNG NỢP TRẢ MỘT LẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN SỬ DỤNG ĐẤT		0	0	0		
A4	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT		12.000	12.000	27.653		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		12.000	12.000	3.115		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025						
1	Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Diêm Thụy	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	6.000	6.000	1.607		
2	Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	6.000	6.000	1.508		
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				24.538		
II.1	Hỗ trợ các địa phương xây dựng nông thôn mới				4.538		
II.2	Hỗ trợ các địa phương đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao				20.000		
A5	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		1.060.435	1.060.435			
B	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI, CÁC NGUỒN VỐN KHÁC ĐƯỢC BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		0	0	0		
C	KH VỐN TỪ CẤP HUYỆN VỀ CẤP TỈNH		2.672.363	1.814.482	364.433		
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		1.759.561	901.680	136.909		
1	Đầu tư xây dựng cầu Quang Vinh 1, cầu Quang Vinh 2 và hệ thống đường giao thông kết nối phường Đồng Bẩm, phường Quang Vinh và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 1021/QĐ-UBND; ngày 15/5/2024	1.528.400	840.600	88.749		
2	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 3732/QĐ-UBND; ngày 08/4/2025	210.581	40.500	40.000		
3	Khắc phục sạt lở tại chân tháp ăng ten, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 13144/QĐ-UBND; ngày 06/9/2024	20.580	20.580	8.160		
II	THÀNH PHỐ PHỐ YÊN		43.361	43.361	1.892		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	Cải tạo Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố Phổ Yên	Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	14.403	14.403	219		
2	Xây dựng hầm hợp khối chính quyền trong Căn cứ chiến đấu 2	Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	14.990	14.990	822		
3	Xây dựng trận địa phòng không tại xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên	Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	1.983	1.983	180		
4	Xây dựng hầm hợp khối đảng, đoàn thể trong căn cứ chiến đấu 2 của thị xã Phổ Yên	Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	11.985	11.985	671		
III	THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG		860.021	860.021	224.160		
1	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang (Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Sông Công 2)	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13/03/2024; Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	33.812	33.812	19.600		
2	Mở rộng khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang (khu tái định cư Tân Tiến mở rộng)	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 03/7/2024	292.861	292.861	42.898		
3	Khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2 xã Bá Xuyên (Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bá Xuyên)	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 03/07/2024; Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	314.700	314.700	60.000		
4	Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1)	Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	188.000	188.000	89.662		
5	Nghĩa trang xã Bá Xuyên, xã Tân Quang	Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	30.648	30.648	12.000		
IV	HUYỆN ĐẠI TỪ		5.000	5.000	1.000		
1	Cải tạo khuôn viên Ban CHQS huyện Đại Từ	Quyết định số 3828/QĐ-UBND ngày 19/08/2024	5.000	5.000	1.000		
V	HUYỆN VÕ NHAİ		4.420	4.420	472		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Quyết định quyết toán			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	Đề án Bổ sung vốn Điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân huyện Võ Nhai giai đoạn 2022 - 2025	Nghị quyết số 23/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	1.500	1.500	450		
2	Xây dựng trận địa phòng không khu căn cứ chiến đấu huyện Võ Nhai	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	2.920	2.920	22		

PHỤ LỤC VI
CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TIẾP NHẬN TỪ TỈNH BẮC KẠN TRƯỚC SẮP XẾP VÀO TÌNH THÁI NGUYÊN SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Nghị quyết số 60 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XD CB
	TỔNG SỐ		5.906.577	3.706.207	1.182.029		
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI		1.756.495	999.561	585.765		
A1	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG		1.434.978	755.944	443.280		
I	Quốc phòng		19.887	19.887	6.170		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		19.887	19.887	6.170		
1	Nhà kho, xe, pháo, huấn luyện Dân quân tự vệ/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	8.500	8.500	1.470		
2	Cải tạo, nâng cấp doanh trại cơ quan Bộ CHQS tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	11.387	11.387	4.700		
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		76.293	76.293	21.968		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		76.293	76.293	21.968		
1	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trụ sở các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Dân tộc tỉnh, Ban QLDA ĐTXD tỉnh, Đài PT và TH tỉnh	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	3.293	3.293	2.343		
2	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2025	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	60.000	60.000	12.625		
3	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024 - 2025	Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	13.000	13.000	7.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP			Thanh toán nợ đọng XDCB
III	Giáo dục, đào tạo		417.863	136.177	22.788	0	
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		2.695	33	33		
1	Trường THCS thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 15/3/2007	2.695	33	33		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		415.168	136.144	22.755		
1	Trường Mầm non Nhận Môn, huyện Pác Nặm	Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 20/02/2023	14.910	14.910	4.706		
2	Xây dựng Trường mầm non Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 13/02/2022; Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	6.677	6.677	4.457		
3	Trường TH&THCS Lam Sơn, huyện Na Rì	Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 29/7/2021; Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	6.000	6.000	632		
4	Trường Tiểu học Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	12.438	12.438	438		
5	Trường Mầm non Như Cỏ	Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	10.000	8.000	2.600		
6	Sửa chữa, nâng cấp trường THCS Huyền Tụng, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	14.822	8.119	2.719		
7	Dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trường học trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 27/12/2021; Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	350.321	80.000	7.203		
IV	Y tế, dân số và gia đình		12.450	12.450	3.350		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		12.450	12.450	3.350		
1	Cải tạo, sửa chữa bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn (nhà C); Nhà làm việc chỉ cục dân số - KHHGĐ; Trung tâm y tế huyện Pác Nặm; Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	12.450	12.450	3.350		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp		85.605	30.041	3.909	0	
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		54.025	41	41		
1	Bảo vệ và phát triển rừng huyện Ngân Sơn giai đoạn 2016 - 2020	Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 02/7/2016	54.025	41	41		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		31.580	30.000	3.868		
1	Hỗ trợ kết cấu hạ tầng các Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	31.580	30.000	3.868		
VI	Giao thông		514.619	197.443	49.440	0	
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		51.549	53	53		
1	Đường cứu hộ, cứu nạn vùng sạt lở, lũ quét huyện Pác Nặm	Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	51.549	53	53		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		456.582	190.902	48.554		
1	Trần liên hợp công đường từ ĐT.251 vào khu Mò Lả, xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	2.000	2.000	555		
2	Đường từ Di tích Coong Tát đến thôn Bản Duồm B, xã Thượng Ân (hỗ trợ địa phương)	Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	4.200	3.000	1.500		
3	Đường nội thị thị trấn Phú Thông, huyện Bạch Thông	Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28/3/2024	123.800	25.320	6.320		
4	Dự án Cầu Nà Đi, thôn Phiêng Phục, xã Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/4/2023; Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	2.000	2.000	600		
5	Sửa chữa, nâng cấp công trình vượt dòng phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông đường tràn Km13+900 ĐT251 tại xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	10.500	10.500	2.296		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ động XD CB
6	Sửa chữa, nâng cấp công trình vượt dòng phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông đường tràn Km1+200 ĐT.254B tại xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	12.000	12.000	7.500		
7	Xây dựng Hạ tầng trung tâm huyện Pác Nặm	Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	110.000	25.000	10.391		
8	Đường nội thị, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 22/6/2023; Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	116.300	35.300	9.294		
9	Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL3 - cầu Phiêng My, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn (Đoạn Km0+00-Km1+450)	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	75.782	75.782	10.098		
c)	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		6.488	6.488	833		
1	Dự án cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	6.488	6.488	833		
VII	Công nghiệp		75.936	72.619	13.439		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		3.506	189	189		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn II	Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 11/5/2017	3.506	189	189		
b)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		72.430	72.430	13.250		
1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn năm 2024	Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 11/6/2024; Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 24/8/2024	14.500	14.500	7.250		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
2	Hoàn thiện mặt bằng phần diện tích còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	57.930	57.930	6.000		
VIII	Công nghệ thông tin		10.943	10.943	7.793		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		10.943	10.943	7.793		
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo an toàn thông tin mạng và số hoá tài liệu giai đoạn 2021 - 2025	Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	7.943	7.943	5.743		
2	Đầu tư hệ thống phục vụ công tác số hoá Hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân	Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	3.000	3.000	2.050		
IX	Quy hoạch		83.103	74.103	5.837		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		83.103	74.103	5.837		
1	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 19/11/2020; Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 3/3/2022	39.143	39.143	877		
2	Lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	21.360	12.360	4.360		
3	Hỗ trợ kinh phí lập quy hoạch chung xã, thị trấn và quy hoạch các điểm dân cư nông thôn		22.600	22.600	600		
X	Xã hội		1.691	1.691	682		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		1.691	1.691	682		
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tường rào khu quản lý học viên của cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 03/4/2023; Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	1.691	1.691	682		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
XI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước		125.789	119.297	20.057		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		125.789	119.297	20.057		
1	Dự án cải tạo sửa chữa trụ sở HĐND - UBND tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 26/9/2023; Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	14.975	14.975	1.060		
2	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 4 tầng Hội LHPN tỉnh; Nhà làm việc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể; Nhà làm việc 3 tầng + hàng rào, cải tạo nhà để xe làm phòng làm việc Liên minh HTX tỉnh	Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	5.387	5.387	1.187		
3	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bắc Kạn (cơ sở 2) thành trụ sở làm việc Sở GD&ĐT; hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trường THPT Ba Bể và trường THPT Ngân Sơn	Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 18/10/2023; Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 20/3/2024	14.812	8.522	5.082		
4	Cải tạo, sửa chữa và hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trụ sở Sở Công thương tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 16/02/2023; Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	3.197	3.197	447		
5	Cải tạo, sửa chữa và hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 10/02/2023; Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	4.957	4.957	1.657		
6	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ, hoàn thiện hệ thống PCCC của Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị trực thuộc	Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 13/02/2022; Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	3.583	3.381	112		
7	Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu thể dục thể thao đa năng; sửa chữa, nâng cấp trụ sở, hoàn thiện hệ thống PCCC trụ sở Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 04/4/2023; Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	9.741	9.741	2.221		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XDCB
8	Cải tạo, sửa chữa, hoàn thiện hệ thống PCCC trụ sở Thanh tra tỉnh	Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 04/4/2023; Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	7.378	7.378	1.022		
9	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc một số cơ quan: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Đảng ủy các cơ quan tỉnh; Tỉnh đoàn; Bảo Bắc Kạn	Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	13.700	13.700	4.938		
10	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Tỉnh ủy Bắc Kạn	Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	47.000	47.000	1.322		
11	Sửa chữa một số hạng mục nhà khách (khu A), nhà công vụ và trụ sở Tỉnh ủy	Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	1.059	1.059	1.009		
XII	Thương mại		10.800	5.000	2.500		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		10.800	5.000	2.500		
1	Sửa chữa, mở rộng chợ Pác Nặm	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/12/2023; Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	10.800	5.000	2.500		
XIII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		0	0	285.347		
1	Trả nợ gốc các dự án ODA				9.728		
2	Đối ứng dự án ODA				47.557		
3	Đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia				95.236		
4	Bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ, hỗ trợ chính sách tín dụng				10.000		
5	Phân cấp cho các địa phương				122.826		
A2	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT		195.899	122.999	116.485		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XD CB	
I	Y tế, dân số và gia đình		137.969	77.999	1.337		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		137.969	77.999	1.337		
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	137.969	77.999	1.337		
II	Công nghiệp		57.930	45.000	3.184		
a)	Dự án hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025		57.930	45.000	3.184		
1	Hoàn thiện mặt bằng phần diện tích còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 10/3/2023	57.930	45.000	3.184		
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		0	0	111.964		
1	Phân cấp cho các địa phương				111.964		
A3	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN THUÊ ĐẤT CÓ SƠ SỞ HẠ TẦNG NỘP TRẢ MỘT LẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN SỬ DỤNG ĐẤT		0	0	0		
A4	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT		70.558	65.558	20.000	0	
1	Trường Mầm non Yên Dương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	7.000	7.000	218		
2	Trường Tiểu học Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	12.438	12.438	2.191		
3	Trường Mầm non Nhận Môn, huyện Pác Nặm	Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 20/02/2023	14.910	14.910	377		
4	Dự án Xây dựng mới trường Mầm non Hà Hiệu	Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 7/7/2023	14.500	14.500	2.238		
5	Trường TH&THCS Nam Cường, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	13.000	8.000	7.750		
6	Trường THPT Phú Thông, huyện Bạch Thông	Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	8.109	8.109	6.625		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XD CB	
7	Dự phòng chưa phân bổ		601	601	601		
A5	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		55.060	55.060	6.000		
B	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI, CÁC NGUỒN VỐN KHÁC ĐƯỢC BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		2.852.916	1.409.480	480.729	0	
B1	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI		1.601.555	788.930	188.325		
I	Giao thông		846.554	317.554	121.704		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		846.554	317.554	121.704		
1	Sửa chữa, nâng cấp công trình vượt dòng phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông đường tràn Km13+900 ĐT251 tại xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 3/7/2024	10.500	10.500	1.500		
2	Sửa chữa, nâng cấp công trình vượt dòng phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông đường tràn Km1+200 ĐT.254B tại xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	12.000	12.000	1.000		
3	Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh	Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	494.000	55.000	55.000		
4	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông trên 15 tuyến đường tỉnh, tỉnh Bắc Kạn do ảnh hưởng của các đợt mưa, lũ từ ngày 17/4/2024 đến ngày 20/6/2024	Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	3.714	3.714	3.048		
5	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông trên 15 tuyến đường tỉnh, tỉnh Bắc Kạn do ảnh hưởng của các đợt mưa, lũ và cơn bão số 3 từ ngày 16/8/2024 đến ngày 13/9/2024	Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 19/06/2025	18.288	18.288	13.788		
6	Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông trên 15 tuyến đường tỉnh, tỉnh Bắc Kạn do ảnh hưởng của các đợt mưa, lũ từ ngày 26/6/2024 đến ngày 15/8/2024	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 03/6/2025	6.270	6.270	6.270		
7	Đường vào Hồ Nặm Cắt, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 28/10/2022; Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	226.000	136.000	15.806		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XD CB	
8	Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL3 - cầu Phiêng My, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn (Đoạn Km0+00-Km1+450)	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	75.782	75.782	25.292		
II	Nông, lâm nghiệp		14.950	14.950	57		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		14.950	14.950	57		
1	Công trình Kè chống sạt lở sông Lèng, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể	Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	14.950	14.950	57		
III	Công nghiệp		82.608	82.608	5.778		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		82.608	82.608	5.778		
1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	24.678	24.678	4.678		
2	Hoàn thiện mặt bằng phần diện tích còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 10/3/2023	57.930	57.930	1.100		
IV	Giáo dục và Đào tạo		4.400	4.400	3.004		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		4.400	4.400	3.004		
1	Trường Mầm non thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 24/12/2024; Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	4.400	4.400	3.004		
V	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		60.000	60.000	1.701		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		60.000	60.000	1.701		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2025	Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	60.000	60.000	1.701		
VI	Quốc phòng		24.514	19.806	11.989		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		24.514	19.806	11.989		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	Khắc phục thiệt hại do mua lũ gây ra trên các tuyến đường CT229 huyện Bạch Thông đi vào khu vực phòng thủ của tỉnh và các tuyến đường do Bộ Chỉ huy quân sự quản lý	Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 19/4/2025	7.000	7.000	7.000		
2	Cải tạo, nâng cấp doanh trại cơ quan Bộ CHQS tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	11.387	11.387	3.570		
3	Mở rộng công trình S1	Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 của UBND huyện Chợ Đồn	6.127	1.419	1.419		
VII	Thể dục, thể thao		260.000	140.000	20.956		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		260.000	140.000	20.956		
1	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	260.000	140.000	20.956		
VIII	Y tế, dân số và gia đình		238.469	96.252	9.318		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		238.469	96.252	9.318		
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	137.969	77.999	9.155		
2	Đầu tư nâng cấp, cải tạo 03 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 24/3/2023; Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 05/01/2024	82.349	102	102		
3	Đầu tư xây dựng 04 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 24/3/2023; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 05/01/2024	18.151	18.151	61		
IX	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước		70.060	53.360	13.741		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng		Trong đó
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP			Thanh toán nợ đọng XD CB
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		70.060	53.360	13.741		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 24/01/2024; Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	13.400	6.700	3.700		
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 6/4/2022; Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	9.660	9.660	41		
3	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Tỉnh ủy Bắc Kạn	Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	47.000	37.000	10.000		
X	Chưa phân bổ chi tiết				77		
B2	VỐN ĐẦU TƯ KHÁC		1.048.051	423.540	95.394		
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		60.000	60.000	7.614		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		60.000	60.000	7.614		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2025	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	60.000	60.000	7.614		
II	Thể dục, thể thao		260.000	30.459	23.333		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		260.000	30.459	23.333		
1	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	260.000	30.459	23.333		
III	Y tế, dân số và gia đình		137.969	77.999	34.289		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		137.969	77.999	34.289		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XD CB	
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	137.969	77.999	34.289		
IV	Giao thông		590.082	255.082	30.158		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		590.082	255.082	30.158		
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 26/12/2024; Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	172.000	8.000	8.000		
2	Đường nội thị, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 22/6/2023; Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	116.300	35.300	2.693		
3	Đường vào hồ Nặm Cắt, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 28/10/2022; Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	226.000	136.000	12.818		
4	Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL3 - cầu Phiêng Mỹ, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn (Đoạn Km0+00-Km1+450)	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	75.782	75.782	6.647		
B3	VỐN TỈNH BỔ SUNG VÀO TRUNG HẠN (Từ nguồn dự phòng NSTW hỗ trợ)		203.310	197.010	197.010	0	
I	Nông, lâm nghiệp		203.310	197.010	197.010		
a)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		203.310	197.010	197.010		
1	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai cấp bách thôn Khuổi Luông, xã Khang Ninh, huyện Ba Bể	Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 25/3/2025	48.600	45.000	45.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
2	Dự án bố trí dân cư tập trung thôn Khuổi Slum, xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể	Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	27.700	25.000	25.000		
3	Dự án bố trí dân cư tập trung thiên tai cấp bách các thôn Nà Áng, Nà Pha, thôn Nà Dầu, xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	21.290	21.290	21.290		
4	Dự án bố trí dân cư tập trung thiên tai cấp bách thôn Bản Khắt, xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	26.000	26.000	26.000		
5	Sửa chữa Hồ Nặm Cát, xã Dương Quang, Thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	9.000	9.000	9.000		
6	Sửa chữa Hồ Thôm Sâu, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	6.720	6.720	6.720		
7	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Nà Đon, xã Thanh Vân, huyện Chợ Mới	Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	5.000	5.000	5.000		
8	Sửa chữa Hồ Khuổi Dú, xã Dương Sơn, huyện Na Rì	Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	6.000	6.000	6.000		
9	Dự án Kè sông Tà Pín - sông Bắc Giang, Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì	Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	13.000	13.000	13.000		
10	Dự án Xây kè bờ sông Cầu đoạn qua xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	14.000	14.000	14.000		
11	Dự án Kè Bản Chang thôn Nà Bjoóc, Xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	8.000	8.000	8.000		
12	Dự án Kè chống xói lở bờ sông đoạn qua thôn Nà Cù xã Cẩm Giàng và đoạn qua thôn Thôm Mò xã Quán Hà, huyện Bạch Thông	Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	10.000	10.000	10.000		
13	Dự án kè bờ sông Cầu đoạn thượng lưu cầu sắt Quan Nura, xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn	Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	8.000	8.000	8.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025		Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		Thanh toán nợ đọng XDCB	
C	KẾ HOẠCH VỐN TỪ CẤP HUYỆN VỀ CẤP TỈNH		1.297.166	1.297.166	115.535		
1	Quỹ hỗ trợ nông dân huyện Na Rì		250	250	50		
2	Quỹ hội nông dân huyện Ngân Sơn		300	300	100		
3	Quỹ hội nông dân huyện Chợ Đồn		300	300	60		
4	Xây mới, cải tạo một số hạng mục cơ sở vật chất tại Trung tâm y tế huyện Bạch Thông	Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 14/12/2023; Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 16/09/2024	6.700	6.700	6.200		
5	Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 19/4/2024; Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	685.142	685.142	19.500		
6	Đường vào hồ Nậm Cắt, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 28/02/2022	226.000	226.000	76.416		
7	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 02/4/2025	260.000	260.000	2.118		
8	Xây dựng các phòng chức năng trường TH&THCS Cao Sơn	Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	5.474	5.474	4.880		
9	Xây dựng hệ thống điện vào khu dân cư Khuổi Đeng, thôn Nà Khoang	Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 16/09/2024	3.000	3.000	2.800		
10	Xây dựng đường giao thông nội thị Vân tùng, huyện Ngân Sơn	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	110.000	110.000	3.411		

PHỤ LỤC VII
CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025
TIẾP NHẬN TỪ TỈNH THÁI NGUYÊN TRƯỚC SẮP XẾP VÀO TỈNH THÁI NGUYÊN SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Nghị quyết số 60 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		
	TỔNG SỐ		1.408.968	602.672	151.041	
I	Các dự án đã hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng		140.224	68.068	6.497	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Lý Nam Đế xã Tiên Phong - huyện Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 07/9/2016; Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 20/11/2023; Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/9/2023	10.000	10.000	3.381	
2	Dự án Nhà lớp học 16 phòng Trường Trung học phổ thông Sông Công	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	10.000	10.000	65	
3	Dự án Nhà lớp học 15 phòng Trường Trung học phổ thông Định Hóa	Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	13.000	13.000	164	
4	Dự án Nhà lớp học, phòng học bộ môn, phòng tổ chuyên môn Trường Trung học phổ thông Đại Từ	Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	5.000	5.000	172	
5	Dự án Nhà lớp học bộ môn, thư viện Trường Trung học phổ thông Phổ Yên	Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	12.722	8.727	62	
6	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương	Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 07/02/2025	89.502	21.341	565	
7	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên	Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 29/11/2024			2.089	
II	Các dự án chuyển tiếp		1.102.939	368.799	22.225	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Lục Giáp, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 06/3/2018	5.927	5.927	9.438	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		
2	Dự án Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Lưu Nhân Chú	Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	45.000	11.631	73	
3	Nâng cấp, cải tạo cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	6.755	6.755	4.413	
4	Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THPT Lê Hồng Phong	Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	9.989	9.989	1.010	
5	Nhà in Báo Thái Nguyên	Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	40.000	40.000	953	
6	Xây dựng Trụ sở, nơi làm việc Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, giai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	14.780	14.780	2.959	
7	Xây dựng Hồ sơ cố kết hợp hồ sinh học cho hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	950.488	252.717	355	
8	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	30.000	27.000	3.024	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 (Từ nguồn dự phòng NSTW hỗ trợ)		106.630	106.630	106.630	
1	Sửa chữa hồ Cò Pài, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	3.300	3.300	3.300	
2	Sửa chữa hồ Cò Pén, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	2.650	2.650	2.650	
3	Sửa chữa hồ Thâm Ngùn, xã Lam Vỹ, huyện Định Hoá	Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	2.750	2.750	2.750	
4	Sửa chữa hồ Na Hiên, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1.400	1.400	1.400	
5	Sửa chữa hồ Khuổi Trạng, xã Yên Trạch, huyện Phú Lương	Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.350	3.350	3.350	
6	Sửa chữa hồ Đồng Đình 1, xã La Hiên, huyện Võ Nhai	Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1.700	1.700	1.700	
7	Khoan phụt vữa gia cố thân đê tuyến đê Hà Châu, tuyến đê Chã và tuyến đê Tả Công	Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	7.950	7.950	7.950	
8	Sửa chữa hồ Gò Miếu, xã Ký Phú (nay là xã Vạn Phú), huyện Đại Từ	Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	30.800	30.800	30.800	
9	Sửa chữa hồ Bìa, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	4.300	4.300	4.300	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		
10	Sửa chữa hồ Cây Thị, xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ	Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	7.980	7.980	7.980	
11	Sửa chữa hồ Long Vỹ, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	3.050	3.050	3.050	
12	Sửa chữa hồ Suối Diều, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ	Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	8.400	8.400	8.400	
13	Sửa chữa trạm bơm Cống Táo, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên	Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	6.900	6.900	6.900	
14	Sửa chữa hồ Thâm Quang, xã Hợp Thành, huyện Phú Lương	Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.200	1.200	1.200	
15	Sửa chữa hồ Kim Cương, xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ	Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 24/5/2025	7.250	7.250	7.250	
16	Sửa chữa hồ Cây Hồng, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 24/5/2025	9.650	9.650	9.650	
17	Sửa chữa hồ Khe Cuồng, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương	Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	4.000	4.000	4.000	
IV	Kế hoạch vốn chuyển từ cấp huyện về cấp tỉnh		59.175	59.175	15.689	
1	Khắc phục sạt lở tại chân tháp ăng ten, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, phường Gia Sang, thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 13144/QĐ-UBND; ngày 06/9/2024	20.580	20.580	12.419	
2	Cải tạo Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự thành phố Phổ Yên	Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	14.403	14.403	780	
3	Đường vào khu căn cứ chiến đấu thành phố Phổ Yên	Quyết định số 4938/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	7.998	7.998	668	
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ Trụ sở mới Ban chỉ huy Quân sự thị xã Phổ Yên	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	13.274	13.274	1.693	
5	Xây dựng trận địa phòng không khu căn cứ chiến đấu huyện Võ Nhai	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	2.920	2.920	129	

PHỤ LỤC VIII
CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025
TIẾP NHẬN TỪ TỈNH BẮC KẠN TRƯỚC SẮP XẾP VÀO TÌNH THÁI NGUYÊN SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Nghị quyết số **60** /NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		
	TỔNG SỐ		1.343.305	430.103	26.716	
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		11.126	626	377	
1	Trụ sở làm việc Công an xã Nông Thượng	Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	4.680	380	327	
2	Trụ sở làm việc Công an phường Xuất Hoá	Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	6.446	246	50	
II	Quốc phòng		2.514	2.514	433	
1	Cấp nước sinh hoạt cho Trung đoàn 750 (cơ sở 1), Bộ CHQS tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	2.514	2.514	433	
III	Y tế, dân số và gia đình		40.000	40.000	645	
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Trung cấp Y tế Bắc Kạn thành cơ sở điều trị	Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	40.000	40.000	645	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		
IV	Văn hóa, thông tin		6.586	4.086	2.033	
1	Cải tạo, sửa chữa Bảo tàng tỉnh	Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	2.500	1.000	366	
2	Hàng rào khu Văn hoá thể thao Tổng Địch	Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 28/7/2023; Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	1.586	1.586	167	
3	Cải tạo, sửa chữa Bảo tàng tỉnh	Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	2.500	1.500	1.500	
V	Nông, lâm nghiệp		10.890	10.890	1.767	
1	Sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi năm 2024	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	10.890	10.890	1.767	
VI	Công nghiệp		14.500	14.500	2.621	
1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn năm 2024	Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	14.500	14.500	2.621	
VII	Giao thông		52.500	49.500	6.355	
1	Tuyến đường từ QL3 xã Hiệp Lực - QL279 (thôn Liên Kết)	Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	30.000	27.000	4.078	
2	Sửa chữa, nâng cấp công trình vượt dòng phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông đường tràn Km13+900 ĐT251 tại xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 3/7/2024	10.500	10.500	2.055	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP		
3	Sửa chữa, nâng cấp công trình vượt dòng phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông đường tràn Km 1+200 ĐT.254B tại xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 25/3/2024; Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	12.000	12.000	222	
VIII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước		14.200	14.200	2.505	
1	Trạm Kiểm soát liên ngành trên Quốc lộ 3 mới Chợ Mới - Thái Nguyên	Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 29/8/2022; Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	14.200	14.200	2.505	
IX	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		1.071.289	174.087	2.842	
1	Đổi ứng vốn ODA					
	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 17/8/2017; Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 25/8/2017; Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	1.071.289	174.087	2.842	
X	Kế hoạch vốn chuyển từ cấp huyện về cấp tỉnh		119.700	119.700	7.138	
1	Xây mới, cải tạo một số hạng mục cơ sở vật chất tại Trung tâm y tế huyện Bạch Thông	Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 14/12/2023; Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	6.700	6.700	500	
2	Xây dựng đường giao thông nội thị Vân Tùng, huyện Ngân Sơn	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 14/7/2021	110.000	110.000	6.540	
3	Xây dựng hệ thống điện vào khu dân cư Khuổi Đeng, thôn Nà Khoang	Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	3.000	3.000	98	